

NHÓM CHỦ RỪNG CÔNG TY CP LÂM NGHIỆP AN PHÚ

-----000-----

Final



**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG
NHÓM CHỦ RỪNG CÔNG TY CP LÂM NGHIỆP AN PHÚ
GIAI ĐOẠN 2025 – 2029**

Xuân Lành, tháng 8 Năm 2025

Mục lục

CHỮ VIẾT TẮT	4
MỞ ĐẦU	5
Phần thứ nhất	7
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG	7
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	7
1. Chính sách pháp luật của nhà nước	7
2. Các Cam kết Quốc tế	7
II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	8
1. Tài liệu sử dụng.	8
2. Các kết quả điều tra:	8
Phần thứ hai	9
QUY MÔ NHÓM VÀ ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ	9
I. QUY MÔ NHÓM	9
1. Quá trình hình thành nhóm	9
2. Mục đích, ý nghĩa của việc hình thành nhóm chủ rừng Công ty CP lâm nghiệp An Phú	9
3. Cơ cấu tổ chức nhóm FSC	10
4. Vai trò và quyền hạn	11
II. CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ	14
1. Tài nguyên thiên nhiên và các giá trị môi trường, như đã xác định trong Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9.	14
2. Điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa như được xác định trong Nguyên tắc 2 đến Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9;	18
3. Các rủi ro xã hội và môi trường chủ yếu trong khu vực, như được xác định từ Nguyên tắc 2 đến Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9.	20
III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN	21
1. Quyền của người lao động, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, bình đẳng giới, như đã xác định trong Nguyên tắc 2;	21
2. Người dân tộc, quan hệ cộng đồng, phát triển kinh tế và xã hội của địa phương, như xác định trong Nguyên tắc 3, Nguyên tắc 4 và Nguyên tắc 5;	22
3. Sự tham gia của các bên liên quan và giải quyết các tranh chấp và khiếu nại, như đã xác định trong Nguyên tắc 1, Nguyên tắc 2 và Nguyên tắc 7;	23
4. Các hoạt động quản lý dự kiến và các mốc thời gian, các biện pháp lâm sinh, các thiết bị và phương pháp khai thác chính như đã xác định trong Nguyên tắc 10;	24
IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐÁNH GIÁ, NGĂN CHẶN VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ	26
1. Các giá trị môi trường như đã xác định trong Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9;	26
2. Giá trị xã hội được xác định trong Nguyên tắc 2 Nguyên tắc 5 và Nguyên tắc 9.	27
3. Một mô tả về chương trình giám sát, như đã xác định trong Nguyên tắc 8, bao gồm:	28
V. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC	28
1. Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên:	28
2. Quản lý rừng trồng:	29
3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng:	29
4. Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học:	29

VI. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG RỪNG	30
<i>Phần thứ ba</i>	32
MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	32
I. MỤC TIÊU	32
1. Mục tiêu chung	32
2. Mục tiêu cụ thể	32
II. THỜI GIAN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ CẬP NHẬT HÀNG NĂM	33
III. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	33
1. Kế hoạch quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh	33
2. Kế hoạch bảo vệ vùng đệm hành lang ven suối và rừng Khoanh nuôi phục hồi	34
3. Kế hoạch khai thác	36
4. Kế hoạch thực hiện các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động.	38
5. Kế hoạch trồng rừng nguyên liệu.	41
6. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng.	45
7. Kế hoạch giống cây trồng.	46
8. Kế hoạch phục hồi rừng nghèo kiệt diễn thế tự nhiên.	47
9. Kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực	47
10. Kế hoạch giám sát, đánh giá	48
11. Rủi ro trong quá trình thực thi kế hoạch quản lý	49
12. Điều chỉnh và bổ sung kế hoạch quản lý và giảm thiểu tác động	49
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	49
1. Chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú	49
2. Phối hợp các bên liên quan	50
<i>Phần thứ tư</i>	52
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	52
I. KẾT LUẬN	52
II. KHUYẾN NGHỊ	52

CHỮ VIẾT TẮT

DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
GIZ	Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức
CCQLRBV	Chứng chỉ quản lý rừng bền vững
COC	Chuỗi hành trình sản phẩm
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐTR	Điều tra rừng
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NSNN	Ngân sách nhà nước
FSC	Hội đồng quản trị rừng quốc tế
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
HGD	Hộ gia đình
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
QPPL	Quy phạm pháp luật
CITES	Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
TLR	Trữ lượng rừng
UBND	Ủy ban nhân dân
SX-KD	Sản xuất kinh Doanh
WWF	Tổ chức bảo vệ thiên nhiên quốc tế
MDF	Sản phẩm gỗ công nghiệp
CP	Cổ phần
LN	Lâm nghiệp

MỞ ĐẦU

Huyện Đồng Xuân là một huyện thuộc tỉnh Phú Yên cũ năm 2025 được sát nhập tỉnh Đắk Lắk, nơi người dân sống chủ yếu dựa vào trồng rừng, khai thác và chế biến gỗ rừng trồng với loài cây chủ yếu là Keo. Là một khu vực nằm trong vùng phát triển nguồn gỗ nguyên liệu cho chuỗi nhà máy chế biến gỗ Công ty cổ phần lâm nghiệp An Phú, Xã Xuân Lãnh được hưởng nhiều chính sách ưu đãi, các chương trình dự án của Chính phủ như dự án 327, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, dự án 661 từ những năm 1993 cho đến nay. Trước đây, người dân chủ yếu trồng rừng Keo để phục vụ cho sản xuất bột giấy, gỗ ván ép và gỗ dăm cung cấp cho các nhà máy chế biến trong nước. Việc phát triển rừng trồng, sinh trưởng nhanh theo hướng bền vững cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu nhằm gia tăng chuỗi giá trị sản phẩm gỗ là nhu cầu cấp bách và hết sức cần thiết đối với hộ gia đình, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo.

Được sở NN&PTNT, UBND tỉnh Đắk Lắk và UBND xã Xuân Lãnh trực tiếp chỉ đạo, được sự hỗ trợ nguồn lực của Công ty Cổ phần lâm nghiệp An Phú, các chuyên gia tư vấn đã phối hợp với các cán bộ kỹ thuật của các phòng ban UBND xã Xuân Lãnh đã khảo sát thực địa và lựa chọn các hộ gia đình tự nguyện tham gia xây dựng mô hình Nhóm chủ rừng Công ty CP lâm nghiệp An Phú trồng rừng và quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế FSC. Với mục đích: (1) Đào tạo nâng cao năng lực và xây dựng kế hoạch quản lý rừng trồng theo 10 nguyên tắc quản lý rừng bền vững; (2) Quản lý, sử dụng tài nguyên rừng ổn định, bền vững lâu dài, cung cấp nguyên liệu cho chế biến gỗ xuất khẩu ra thị trường quốc tế, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho hộ gia đình; (3) Đảm bảo kinh doanh rừng liên tục, đa dạng các sản phẩm mà không làm giảm những giá trị nguồn gen, năng suất của rừng, hạn chế thấp nhất tác động có hại đến môi trường tự nhiên và xã hội;

Nhóm chủ rừng Công ty CP lâm nghiệp An Phú cam kết với các tổ chức và các bên liên quan: Nhóm hộ trồng rừng thực hiện quản lý rừng bền vững đảm bảo đồng thời ba mục tiêu: (1) Môi trường, (2) Kinh tế và (3) Xã hội. Tuân thủ 10 nguyên tắc quản lý rừng bền vững của Hội đồng Quản trị rừng Quốc tế FSC và khuôn khổ pháp lý quản lý rừng bền vững của Việt Nam:

Tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm thiểu tác động tới môi trường, tạo nhiều việc làm, thu hút lao động xã hội tham gia các hoạt động lâm nghiệp.

Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, tôn trọng quyền sử dụng đất hợp pháp và theo truyền thống của cộng đồng địa phương. Ưu tiên trồng các loài cây sinh trưởng nhanh, gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến gỗ và cải thiện kỹ thuật trồng rừng, các biện pháp lâm sinh để rừng trồng đạt năng suất chất lượng cao.

Xây dựng quy trình quản lý chất lượng, giám sát các hoạt động lâm nghiệp. Mọi hoạt động quản lý rừng phải được tài liệu hóa, lưu trữ và thực hiện điều tra theo dõi diễn biến rừng, thu thập số liệu tăng trưởng rừng và cập nhật kế hoạch quản lý rừng bền vững hàng năm. Nội dung kế hoạch quản lý rừng bền vững gồm các phần sau:

<i>Phần thứ nhất:</i>	Căn cứ pháp lý và tài liệu sử dụng
<i>Phần thứ hai:</i>	Quy mô nhóm và đặc điểm hiện trạng chủ quản lý
<i>Phần thứ ba:</i>	Mục tiêu và kế hoạch quản lý
<i>Phần thứ tư:</i>	Kết luận và khuyến nghị

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Chính sách pháp luật của nhà nước

- Luật Lâm nghiệp 2017
- Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Đất đai sửa đổi 2024;
- Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Bộ luật Lao động 2019;
- Luật trồng trọt 2018;
- Quyết định số 150/2022/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;
- Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản, xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT- ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT Quy định các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;
- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNNPTNT ngày 15/1/2025 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

- Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT, ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 02/1/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững;

- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;

- Quyết định 4227/QĐ-BNN-TCCB ngày 29/10/2021 về việc Kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng giai đoạn 2021 – 2030.

2. Các Cam kết Quốc tế

* Lĩnh vực lâm nghiệp:

- Công ước cấm buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp CITES;

- Công ước về đa dạng sinh học, 1992 (16/11/1994).

- Công ước về các chất hữu cơ khó phân hủy (POP 22/5/2001)

- Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam về thực thi Lâm Luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản (ngày 11/05/2017)

* Các công ước ILO về lao động

* Bộ tiêu chuẩn FSC-STD-30-001a EN ngày 02 tháng 10 năm 2017

* Các tuyên bố cam kết thực hiện quản lý rừng bền vững của Nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú

II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu sử dụng.

1) Bộ tiêu chuẩn 10 nguyên tắc quản lý rừng bền vững FSC quốc tế FSC

2) Các kinh nghiệm quốc tế của chương trình hợp tác kỹ thuật Việt Nam - Đức (GIZ), WWF Việt Nam đã thí điểm thành công cấp chứng chỉ rừng trồng cho nhóm hộ gia đình có rừng trồng tại Việt Nam

3) Hệ thống các qui trình và hướng dẫn kỹ thuật: phương pháp điều tra tài nguyên rừng, điều tra đánh giá tác động xã hội - môi trường; điều tra đánh giá đa dạng động – thực vật rừng, giá trị bảo tồn cao của GIZ và WWF tại Việt Nam.

4) Tài liệu hướng dẫn đào tạo, tập huấn kỹ thuật và bài học kinh nghiệm của GIZ Việt Nam được Bộ NN&PTNT ban hành năm 2013 áp dụng cho các công ty lâm nghiệp, Hộ gia đình, tư nhân tự nguyện xây dựng kế hoạch QLRBV và chứng chỉ rừng FSC;

2. Các kết quả điều tra:

1) Báo cáo điều tra hiện trạng, trữ lượng rừng của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

2) Báo cáo điều tra hệ động vật rừng của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

3) Báo cáo điều tra hệ thực vật rừng của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

4) Báo cáo điều tra đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

5) Báo cáo đánh giá tác động xã hội của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

6) Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

7) Bản đồ hiện trạng rừng của Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

8) Danh sách các hộ gia đình tự nguyện đăng ký tham gia Nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

9) Bản đồ kiểm kê 3 loại rừng tỉnh Phú Yên cũ

Phần thứ hai

QUY MÔ NHÓM VÀ ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CHỦ QUẢN LÝ

I. QUY MÔ NHÓM

Quy mô nhóm nhóm ước tính là 8.983 ha rừng trồng có chứng chỉ trên địa bàn xã Xuân Lãnh tỉnh Đắk Lắk, Nhóm được chia làm 3 giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn 1 là:*
 - Số lượng thành viên nhóm: 565 hộ tham gia
 - Quy mô đơn vị quản lý: Xã Xuân Lãnh, Tỉnh Đắk Lắk
 - Tổng diện tích phân bố rừng: 4.743,38 ha trong đó diện tích rừng trồng là 4171,23 ha; diện tích rừng phục hồi là 572,15ha.
- *Giai đoạn 2 là:*
 - Số lượng thành viên nhóm: 100 hộ tham gia
 - Quy mô đơn vị quản lý: xã Xuân Lãnh, tỉnh Đắk Lắk
 - Tổng diện tích phân bố rừng: 1.740 ha
- *Giai đoạn 3 là:*
 - Số lượng thành viên nhóm: 190 hộ tham gia
 - Quy mô đơn vị quản lý: 1 xã giáp ranh xã Xuân Lãnh
 - Tổng diện tích phân bố rừng: 2500 ha

1. Quá trình hình thành nhóm

Công ty CP lâm nghiệp An Phú là Công ty Cổ phần Tư nhân, hợp tác cùng người dân có rừng trồng trong vùng để phát triển nâng cao giá trị rừng trồng trong khu vực, có trách nhiệm đầu mối hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và cung cấp cán bộ tham gia nhóm kỹ thuật FSC để giúp Ban đại diện hỗ trợ Hộ gia đình thực hiện các hoạt động theo 10 nguyên tắc QLRBV và chứng chỉ rừng.

Bộ phận kỹ thuật và hành chính Công ty được đề cử hỗ trợ hoặc thuê tuyển chuyên gia để giúp việc cho Ban quản lý nhóm trong công tác đào tạo nâng cao năng lực, quản lý, giám sát các hoạt động của nhóm.

Thực hiện hướng dẫn kỹ thuật cho nhóm viên về quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC;

Hỗ trợ Ban đại diện công tác giám sát, chuẩn bị đánh giá định kỳ và khắc phục, sửa các lỗi do tổ chức đánh giá kiến nghị;

Hỗ trợ công tác hành chính, quản lý lưu trữ số liệu, biên, phiên dịch tài liệu liên quan theo yêu cầu 10 nguyên tắc FSC;

Hỗ trợ lập kế hoạch, các chủ rừng thực hiện các hoạt động theo kế hoạch

2. Mục đích, ý nghĩa của việc hình thành nhóm chủ rừng Công ty CP lâm nghiệp An Phú

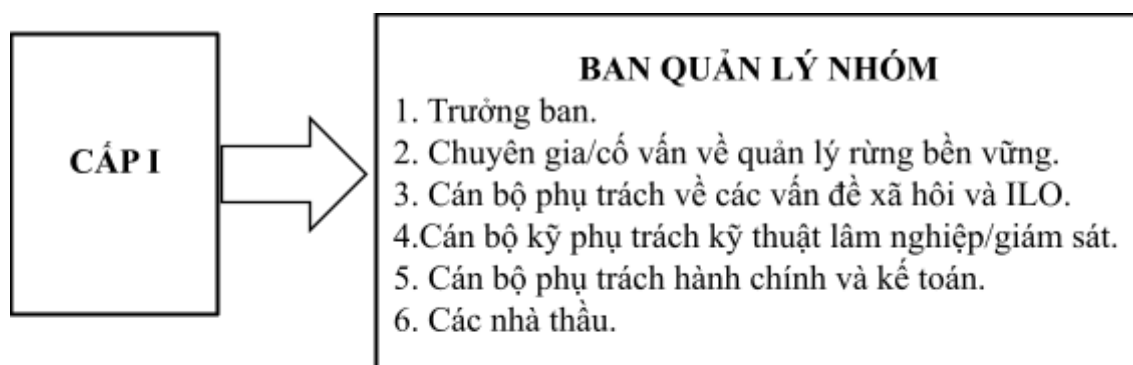
Do đặc thù của Việt Nam nói chung và tỉnh nói riêng, phần lớn diện tích rừng trồng sản xuất của các hộ gia đình thường rất manh mún, trung bình mỗi hộ gia đình chỉ sở hữu từ 0,5-5 ha rừng. Trong khi đó, xu hướng thị trường gỗ xuất khẩu yêu cầu chủ rừng cần chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp hoặc quản lý bền vững thông qua chứng chỉ rừng, một trong những yêu cầu rất khắt khe trong việc tổ chức quản lý và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh rừng bền vững theo các quy định của một hệ thống chứng chỉ rừng nhất định. Việc liên kết các hộ gia đình, cá nhân trồng rừng nhỏ lẻ thành một tổ chức nhóm để thực hiện QLRBV và xin cấp chứng chỉ rừng là một yêu cầu cấp bách, phù hợp với bối cảnh chung của thế giới và tại Việt Nam.

Mục đích của việc thành lập Nhóm chứng chỉ rừng nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ các hộ gia đình có cơ hội tham gia tổ chức nhóm để quản lý rừng bền vững (QLRBV) và xin cấp chứng chỉ rừng của nhóm. Qua đó, giúp nâng cao hiệu quả quản lý rừng và mở rộng hoạt động chế biến, sản xuất gỗ hướng đến các thị trường xuất khẩu, đảm bảo tính bền vững của thị trường gỗ, bao tiêu sản phẩm gỗ cho các thành viên Nhóm, nâng cao giá trị gia tăng sản lượng gỗ rừng trồng.

3. Cơ cấu tổ chức nhóm FSC

Nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú là một tổ chức tự nguyện, hoạt động theo quy chế quản lý rừng bền vững, có tư cách pháp nhân và được sử dụng con dấu của Công ty Cổ phần lâm nghiệp An Phú. Chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan ban ngành có liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp như Chi cục Kiểm lâm tỉnh. Nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú được liên kết từ các hộ gia đình có rừng trồng tại các xã trên địa bàn xã Xuân Lãnh, tỉnh Đắk Lắk. Các liên kết này được quản lý theo một tổ chức: “Ban quản lý nhóm” gồm các bộ phận theo sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:

Sơ đồ cấu trúc nhóm chủ rừng thuộc Công ty CPLN An Phú



Trong mô hình nhóm chủ rừng thuộc Công ty CP lâm nghiệp An Phú, cơ cấu tổ chức của nhóm bao gồm có 02 cấp, được thể hiện ở biểu sau:

Cấp chức	Đơn vị	Vị trí và vai trò	Người đại diện
Cấp 1	BQL nhóm chủ rừng Công ty CP lâm nghiệp An Phú	- Ban quản lý nhóm là cấp quản lý cao nhất trong nhóm; - Giữ vai trò Chủ thể nhóm	Trưởng nhóm, do Chủ tịch HĐQT Công ty CPLN An Phú quyết định và phân công.
Cấp 2	Cộng tác viên địa phương, Cán bộ xã, trưởng thôn hỗ trợ hộ gia đình đăng ký tham gia nhóm chứng chỉ rừng	-Thành viên nhóm là chủ rừng, trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh và quản lý lô rừng, - Các thành viên là tổ/đội dịch vụ trồng, khai thác, vận chuyển, chế biến đăng ký làm thành viên nhóm	- Chủ rừng - Tổ trưởng tổ dịch vụ

4. Vai trò và quyền hạn

4.1 Vai trò và quyền hạn của BQL nhóm

Ban quản lý nhóm là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất để thực hiện quản lý rừng theo nhóm trong mô hình này là chủ thể nhóm, sử dụng con dấu và tư cách pháp nhân Công ty CP lâm nghiệp An Phú để giao dịch mọi vấn đề của nhóm, đại diện cho hộ gia đình để nắm giữ chứng chỉ nhóm. Tổng giám đốc Công ty CP lâm nghiệp An Phú có vai trò là Trưởng ban, chịu trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho các cán bộ chuyên môn liên quan nhằm thực hiện tốt các yêu cầu của nhóm. Với vai trò là chủ thể nhóm chủ rừng, bao gồm:

- Triển khai và duy trì một hệ thống quản lý hiệu quả cho các thành viên nhóm;
- Đại diện cho tổ chức nhóm trong quá trình cấp chứng chỉ, bao gồm việc trao đổi, giao tiếp và thiết lập mối quan hệ với Tổ chức cấp chứng chỉ, nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ, lựa chọn và ký kết hợp đồng với Tổ chức cấp chứng chỉ;
- Xây dựng các quy trình bằng thủ tục văn bản cho việc quản lý của tổ chức nhóm.

d) Xây dựng quy trình văn bản, thủ tục giấy tờ cho việc kết nạp thành viên của tổ chức nhóm. Thủ tục kết nạp thành viên phải bao gồm việc xác minh thông tin của người tham gia như địa chỉ liên lạc cụ thể, hồ sơ rừng và đất rừng của người tham gia cũng như quy mô diện tích rừng của họ.

e) Xây dựng quy trình văn bản cho việc đình chỉ và loại trừ ra khỏi nhóm những thành viên nhóm không tuân thủ quy định của tổ chức nhóm.

f) Lưu trữ các tài liệu có liên quan, và hồ sơ chứng chỉ rừng bắt buộc theo quy định của nhóm. Hồ sơ lưu trữ bao gồm:

- Phương án QLRBV và các báo cáo chuyên đề của nhóm.
- Sổ đỏ hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tất cả các diện tích rừng tham gia trong nhóm;
- Thông tin chi tiết về diện tích thực hiện, diện tích ngoài phạm vi thực hiện của nhóm, danh sách các thành viên tham gia trong nhóm. Danh sách này cần phải được cập nhật thường xuyên nếu có bất cứ sự thay đổi gì phát sinh trong quá trình thực hiện của nhóm;
- Kế hoạch giám sát và đánh giá nội bộ, kết quả của các hoạt động giám sát, thông tin và bằng chứng về các biện pháp khắc phục, phòng tránh lỗi đã được thực hiện và kết quả đánh giá hiệu quả của cơ chế và các chương trình giám sát nội bộ này;
- Các tài liệu, bằng chứng khác chứng minh sự tuân thủ của BQL nhóm và các thành viên nhóm với các yêu cầu của tiêu chuẩn FSC.

g) Cung cấp cho tất cả thành viên nhóm một văn bản xác nhận sự tham gia của họ vào chứng chỉ nhóm;

h) Cung cấp cho tất cả thành viên nhóm những thông tin và hướng dẫn được yêu cầu nhằm triển khai và duy trì hiệu quả sự tuân thủ các yêu cầu về quản lý rừng bền vững và những chính sách yêu cầu khác của FSC.

i) Ký kết thỏa thuận pháp lý với tất cả các thành viên trong nhóm. Thỏa thuận này bao gồm các điểm chính như sau:

- Thành viên tự nguyện viết đơn đăng ký tham gia nhóm và đồng ý ủy quyền cho BQL nhóm thực hiện các yêu cầu cần thiết liên quan trong quá trình thực hiện;
- Thành viên cam kết tuân theo các tiêu chuẩn của quản lý rừng bền vững (QLRBV) của FSC và phương án QLRBV đã được xây dựng cho nhóm;

- BQL nhóm có quyền thực hiện các biện pháp khắc phục lỗi và phòng tránh các lỗi có thể xảy ra trên diện tích rừng trong phạm vi cấp chứng chỉ đang quản lý bởi các thành viên;

- Thành viên phải tuân thủ theo hệ thống quản lý hành chính và hệ thống giám sát nội bộ do BQL nhóm xây dựng;

- BQL Nhóm có quyền đình chỉ và khai trừ tư cách thành viên nhóm nếu thành viên đó không tuân thủ các quy định trong điều lệ của nhóm;

- Thành viên phải nộp đơn tự nguyện xin tham gia nhóm cho BQL nhóm, sau đó BQL nhóm sẽ tổng hợp xét duyệt và ra quyết định công nhận/kết nạp thành viên nhóm.

j) Liên lạc thường xuyên với các thành viên trong nhóm để cung cấp:

- Các thông tin cập nhật trong quá trình thực hiện CCR
- Các hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật cần thiết;
- Các thông tin về thị trường, dịch vụ liên quan tới CCR và sản phẩm có chứng nhận.

k) Nắm rõ tất cả các yêu cầu của việc thực hiện CCR theo Bộ tiêu chuẩn của FSC. Đảm bảo tất cả các thành viên đều áp dụng việc quản lý rừng theo một tiêu chuẩn QLRBV và CCR thống nhất được xây dựng cho nhóm:

l) Thiết lập cơ chế giám sát nội bộ và một quy trình để thực hiện việc giám sát nội bộ hàng năm, đảm bảo rằng các hoạt động quản lý rừng của các thành viên đáp ứng các tiêu chuẩn QLRBV của FSC:

- Sử dụng phương pháp giám sát theo mẫu (ngẫu nhiên, hoặc dựa trên mức độ rủi ro trong quản lý rừng của các thành viên). Phương pháp lấy mẫu này phải có độ tin cậy cao, đại diện cho hoạt động QLR của tất cả thành viên và phù hợp với từng cấp độ (số lượng thành viên tham gia chứng chỉ rừng)

- Thiết lập biên bản đánh giá sự tuân thủ của từng thành viên đối với các yêu cầu của việc thực hiện CCR sau mỗi đợt đánh giá;

- Xem xét kết quả của mỗi đợt đánh giá nội bộ để có kế hoạch áp dụng các biện pháp khắc phục trước khi đánh giá chính của tổ chức cấp chứng chỉ;

- Xem xét kết quả đánh giá chính của tổ chức cấp chứng chỉ để có kế hoạch áp dụng các biện pháp khắc phục sửa lỗi hoặc các biện pháp phòng tránh các lỗi có thể gặp;

- Đánh giá tính hiệu quả của việc áp dụng cơ chế đánh giá, giám sát nội bộ và có những cải thiện.

m) Thực hiện chương trình đánh giá nội bộ hàng năm cho thành viên nhóm và chủ thể nhóm;

n) Thực hiện việc đánh giá quản lý của chứng nhận rừng theo nhóm và thực thi các kết quả đánh giá;

o) Cung cấp đầy đủ sự hợp tác và hỗ trợ trong việc đáp ứng hiệu quả tất cả các yêu cầu từ Tổ chức cấp chứng chỉ, Tổ chức công nhận về các dữ liệu, tài liệu hoặc thông tin khác có liên quan; cho phép tiếp cận khu vực rừng được quản lý bởi tổ chức nhóm và các cơ sở khác, cho dù có hay không có liên quan đến việc đánh giá chính thức hoặc kiểm tra các vấn đề liên quan khác đến hệ thống quản lý;

p) Thực hiện các hoạt động truyền thông, tiếp thị, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm có chứng chỉ nhằm tăng giá trị của sản phẩm có chứng chỉ của tất cả thành viên nhóm.

4.2. Vai trò và quyền hạn của thành viên nhóm

4.2.1 Vai trò của cán bộ xã, công tác viên

Xã cử ra 1 cán bộ để hỗ trợ người dân và kết nối với BQL Nhóm để triển khai thực hiện tại địa phương của xã mình.

Là đầu mối thông tin liên lạc giữa BQL nhóm và các hộ dân trên địa bàn xã.

Tiếp nhận các thông tin phản hồi từ hộ gia đình phản ánh đến BQL Nhóm, phối hợp với BQL nhóm triển khai công tác đào tạo tập huấn cho các hộ dân.

Phối hợp với BQL nhóm giám sát việc thực hiện các quy trình quản lý nhóm, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác theo đúng tiêu chuẩn FSC.

Triển khai các công việc khác khi BQL nhóm yêu cầu

4.2.2. Vai trò của chủ rừng (Hộ gia đình)

- Viết đơn xin tham gia nhóm chủ rừng Công ty CP lâm nghiệp An Phú bao gồm các điểm chính sau:

- Tự nguyện đăng ký tham gia

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy xác nhận của chính quyền địa phương hợp pháp.

- Cam kết quản lý rừng trồng bền vững, phù hợp với các nguyên tắc và tiêu chí của tổ chức cấp chứng chỉ rừng FSC.
- Tham gia vào nhóm chứng chỉ rừng lâu dài và ít nhất là một chu kỳ kinh doanh rừng trồng.
- Nếu vì lý do đặc biệt, làm đơn nộp trước 01 tháng để BQL nhóm cho ra khỏi nhóm.
- Đồng ý để BQL nhóm hỗ trợ kỹ thuật và thực hiện kế hoạch quản lý rừng để rừng được quản lý tốt hơn.
- Cam kết thực hiện theo 10 nguyên tắc FSC và tuân thủ theo quy chế của nhóm.
- Đồng ý cho phép BQL nhóm thực hiện các biện pháp khắc phục lỗi và phòng tránh các lỗi nếu có trên diện tích rừng quản lý bởi thành viên.
- Chấp nhận bị khai trừ ra khỏi nhóm CCR nếu không tuân thủ các quy định về QLRBV theo tiêu chuẩn của FSC và các quy định của BQL nhóm.
- Đồng ý cho phép BQL nhóm và tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ tiếp cận diện tích rừng mà thành viên đang quản lý để tiến hành các hoạt động đánh giá, khảo sát hoặc các hoạt động khác phục vụ trong quá trình thực hiện CCR.
- Thành viên phải thực hiện các biện pháp khắc phục và phòng ngừa có liên quan được xây dựng bởi BQL nhóm chủ rừng.
- Thành viên có trách nhiệm thông báo kịp thời hiện trạng của khu rừng lên BQL nhóm khi có sự thay đổi như khai thác, tía thưa, cháy rừng, sâu bệnh hại rừng, đổ gãy do bão,...

II. CÁC NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH QUẢN LÝ

1. Tài nguyên thiên nhiên và các giá trị môi trường, như đã xác định trong Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9.

1.1. Tài Nguyên thiên nhiên, hiện trạng diện tích

TT	Năm	Diện tích rừng trồng	Số lô rừng	Số chủ rừng	Ghi chú
1	Năm 2023-2024	4249.51	1177	577	
	Rời nhóm	85.84	26	19	

2	Năm 2024 - 2025	4163.67	1151	565	Xác minh cập nhật lại chủ rừng trùng tên
	Rời nhóm	0	0	0	
3	Năm 2025 - 2026	4171.23	1151	565	
	Rời nhóm	0	0	0	

+ Rừng phục hồi: 572,15 ha

Diện tích rừng trồng tham gia nhóm chứng chỉ rừng bền vững FSC năm 2025 thực hiện tại xã Xuân Lãnh của 565 hộ gia đình, cá nhân của 8 thôn, được thống kê theo biểu cụ thể sau đây:

Bảng hiện trạng diện tích rừng trồng nhóm hộ Công ty CPLN An Phú

Đơn vị: ha

Tên Thôn	DT đăng ký	Diện tích hành lang ven suối	Diện tích kinh doanh	Ghi chú
thôn Lãnh Vân	781.54	8.11	773.43	
thôn Xí Thoại	642.03	7.13	634.90	
thôn Da Dù	473.13	1.89	471.24	
thôn Hà Rai	1702.57	20.76	1681.81	
thôn Lãnh Cao	51.07	-	51.07	
thôn Lãnh Trường	229.24	1.92	227.32	
thôn Lãnh Tú	127.22	0.58	126.64	
thôn Soi Nga	164.44	1.47	162.97	
Tổng cộng	4171.23	41.86	4129.37	

Từ bảng trên cho thấy diện tích rừng phục hồi chiếm 12%. Diện tích rừng trồng Keo tham gia nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú, chiếm 88% tổng diện tích rừng tham gia nhóm chủ rừng.

Tình trạng sử dụng đất: Đất canh tác của các hộ gia đình tham gia quản lý rừng bền vững đều thuộc đất quy hoạch rừng sản xuất, được nhà nước giao quyền sử dụng dài hạn và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.2. Các giá trị môi trường

Ngoài việc cung cấp gỗ củi và các lâm sản khác, rừng có vai trò to lớn trong việc bảo vệ nguồn nước, duy trì môi trường sống như điều hòa khí hậu, điều tiết nguồn nước, hạn chế xói mòn, rửa trôi và hạn chế bão lụt, hấp thụ các bon, duy trì bảo tồn đa dạng sinh học.

Môi trường đất:

Theo kết quả điều tra xây dựng bản đồ lập địa cấp II tỉnh Gia Lai do Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thực hiện năm 1995 thì lâm phần Doanh nghiệp có 3 nhóm đất chính sau:

- Nhóm đất Feralít vàng đỏ phát triển trên đá mẹ Mác ma axít (ký hiệu là Fa): Chiếm khoảng 50% diện tích tự nhiên, phân bố ở tập trung ở khu vực phía Tây Bắc Công ty. Nhóm này thường có tầng đất trung bình đến dày, hàm lượng mùn khá cao (tùy thuộc vào lớp thảm thực vật trên mặt đất), thành phần cơ giới thịt nhẹ đến trung bình, đất hơi chua.

- Nhóm đất xám phát triển trên đá Granít (ký hiệu là Xa): Chiếm khoảng 35% diện tích tự nhiên, phân bố tập trung ở khu vực phía Đông Nam Công ty. Nhóm đất này có tầng đất trung bình là phổ biến, nghèo mùn, thành phần cơ giới nhẹ, khả năng giữ nước kém.

- Nhóm đất phù sa ven sông suối (ký hiệu là P): Chiếm khoảng 15% diện tích tự nhiên; phân bố tập trung trên kiểu địa hình ven sông suối. Đây là loại đất khá tốt, giàu hàm lượng các chất khoáng và hữu cơ trong đất, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, đất ít chua đến trung tính

Với điều kiện tự nhiên như trên có ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình như:

- Ưu điểm: Với khí hậu nóng ẩm và đất đai tương đối tốt vì vậy rừng của hộ gia đình có khả năng phát triển và phục hồi nhanh.

- Nhược điểm: Địa hình đồi núi dốc, bị chia cắt bởi các sông suối gây khó khăn cho các hoạt động sản xuất lâm nghiệp về mùa khô nắng nóng.

Xói mòn đất chủ yếu do tác động của các hoạt động làm đất, xử lý thực bì trong rừng và khai thác rừng như mở đường vận xuất, vận chuyển đã tác động trực tiếp đến hệ sinh thái và môi trường rừng.

Môi trường nước:

Khu vực rừng trồng của hộ gia đình đang quản lý có môi trường nước còn tương đối trong lành, đảm bảo vệ sinh. Trong thời gian qua, rừng đang sinh trưởng và phát triển tốt, đồng thời ý thức bảo vệ môi trường của hộ dân đã góp phần cải thiện môi trường sống, vì vậy tình trạng ô nhiễm môi trường nước không xảy ra trong khu vực.

Môi trường không khí:

Theo số liệu của trạm khí tượng thủy văn Huyện Đồng Xuân năm 2024, vùng này phân chia thành 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Các chỉ số cơ bản như sau:

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trung bình năm giao động từ 21 đến 25⁰C. Nhiệt độ cao nhất từng xảy ra là 38⁰C và thấp nhất có năm là 10⁰C.
- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình năm 2.500 mm, tập trung vào mùa mưa (chủ yếu từ tháng 9 đến tháng 11 hàng năm), chiếm khoảng 70% lượng mưa trong năm.
- Độ ẩm trung bình 75%, cao nhất vào mùa mưa là 87%, thấp nhất là mùa khô (có gió tây Nam) là 65%.
- Chế độ gió: Có hai hướng gió chính là gió hướng Đông Bắc vào mùa khô và gió hướng Tây Nam vào mùa mưa.

Với điều kiện khí hậu như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho hộ gia đình tổ chức hoạt động sản xuất. Vào mùa khô hộ gia đình thường tổ chức các hoạt động như khai thác, Bảo vệ rừng, chuẩn bị hiện trường sản xuất. Vào mùa mưa tiến hành trồng rừng.

Không khí tại các khu vực không bị ảnh hưởng và thay đổi do khói bụi của các phương tiện vận chuyển thải ra môi trường không khí.

Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học:

a) Đa dạng thực vật rừng

Dưới tán rừng trồng Keo + Bạch đàn là các loài cây như: Sắn và một số loài thân thảo hoặc cây bụi nhỏ mọc rải rác như Ruột gà (*Hedyotis* sp.), các loài Dương xỉ (*Cneopteris* sp., *Asplenium* spp.)... và các loài họ Gừng như *Catimbum bracteatum*, *Alpinia* spp., *Globa* sp, Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*)...

b) Đa dạng động vật rừng

- Kết quả báo cáo điều tra hệ động vật rừng trong khu vực và lân cận khu vực rừng nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú. Không thấy xuất hiện loài nào có tên trong Sách đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ IUCN ở các cấp: Rất nguy cấp (CR) và Nguy cấp (EN); Các loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP và Nghị Định 84/2021/NĐ - CP, trong Phụ lục IB (Danh mục Động vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại); Các loài có tên trong các phụ lục I&II của Công ước CITES..

- Hộ gia đình thường xuyên tuần tra bảo vệ rừng, nghiêm cấm mọi hành vi săn bắt động vật trong rừng, nếu thấy xuất hiện cần bảo vệ và tạo môi trường sống cho chúng.

Kết luận: Rừng trồng được trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ. rừng được quản lý bảo vệ tốt, không có cháy rừng, và ít bị tác động bởi thiên tai, sạt lở đất, lũ quét từ năm 1993 đến nay. Do vậy trong quá trình khảo sát đánh giá, tham vấn người dân địa phương chưa phát hiện có những tác động lớn đến rừng về môi trường sinh thái.

2. Điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa như được xác định trong Nguyên tắc 2 đến Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9;

2.1. Vị trí, ranh giới, địa hình

* Vị trí địa lý: Lâm phần của nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú nằm trên địa bàn xã Xuân Lãnh. Có tọa độ địa lý như sau:

- Từ 13025'00" đến 13031'57" vĩ độ Bắc.
- Từ 108057'26" đến 109035'00" kinh độ Đông.

* Phạm vi ranh giới:

- Phía Đông giáp thị xã Sông Cầu.
- Phía Tây giáp xã Phú Mỹ.
- Phía Nam giáp xã Xuân Long, Xuân Quang 2.
- Phía Bắc giáp tỉnh Bình Định cũ nay là tỉnh Gia Lai.

*Địa hình:

Xã Xuân Lãnh có hai dạng địa hình chính là địa hình núi cao và địa hình núi thấp, với các đặc trưng cơ bản sau:

Địa hình núi cao: Phân bố chủ yếu ở phía Tây Bắc của xã có độ cao 1.000m có độ dốc 25°. Đây là vùng đầu nguồn của các con sông suối, có vai trò quan trọng, quyết định đến khả năng dự trữ nước tưới và bảo vệ vùng hạ lưu. Với dạng địa hình này chủ yếu diện tích được đưa vào trồng rừng và phát triển các cây công nghiệp lâu năm.

Địa hình núi thấp: Phân bố ở độ cao 500m đến 1.000m độ dốc phổ biến từ 15° đến 25°. Địa hình này phù hợp cho sự phát triển trồng cây hàng năm.

2.2. Dân số, dân tộc, lao động:

- Dân số, trên địa bàn xã Xuân Lãnh với tổng số dân là 8.825 nhân khẩu.
- Dân tộc trên địa bàn xã bao gồm 3 dân tộc chính là: dân tộc Ba Na chiếm 20%; dân tộc Chăm chiếm 46%, dân tộc Kinh chiếm 34%.
- Lao động trên địa bàn gồm 5.189 lao động. Hầu hết lao động đều chỉ làm nông nghiệp, chỉ có một số ít vừa làm nông vừa làm nghề phụ khác.

Kết quả điều tra đánh giá tác động xã hội được phân tích và đánh giá trong báo cáo và tóm tắt kết luận như sau:

- Rừng trồng của nhóm hộ được hình thành từ đất trống đồi núi trọc, cây bụi rải rác.
- Không có mâu thuẫn xã hội, các hoạt động lâm nghiệp của nhóm hộ không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của các hộ lân cận.
- Không có người dân tộc trong vùng, người dân trong khu vực được đối xử bình đẳng không phân biệt dân tộc, không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý của doanh nghiệp.
- Các quyền hợp pháp, và quyền truyền thống của người dân không bị ảnh hưởng khi Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động lâm sinh.
- Các quyền, phong tục, văn hóa của người dân tại địa phương được xác định trong UNDRIP và Công ước ILO 169 không bị vi phạm.
- Không thấy xuất hiện các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tại khu vực này.
- Trong khu vực không có xuất hiện kiến thức truyền thống của người dân, hình thức canh tác của người dân lạc hậu, thiếu kiến thức và kỹ thuật lâm sinh trong trồng rừng.
- Nhóm hộ sử dụng lao động phù hợp với các nguyên tắc và quyền về việc làm được nêu trong 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động .
- Không thấy bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong khu vực.

- Không có tranh chấp đất đai, người dân ổn định sản xuất phát triển kinh tế xã hội.

- Được các cấp chính quyền, các đoàn thể bảo vệ lợi ích bình đẳng giới giữa nam và nữ được đối xử như nhau khi họ cùng làm một công việc như nhau.

2.3. Kinh tế:

Hoạt động sản xuất nông nghiệp của cộng đồng dân cư tại địa bàn chủ yếu tập trung vào các loại cây lương thực và hoa màu truyền thống như lúa nước, lúa rẫy, mía, sắn (mỳ) và chanh dây. Về chăn nuôi, người dân duy trì quy mô hộ gia đình với các loại gia súc (trâu, bò, lợn, dê) và gia cầm.

Tuy nhiên, phương thức canh tác hiện nay vẫn mang tính chất tự cung tự cấp, hàm lượng khoa học kỹ thuật ứng dụng vào sản xuất còn hạn chế, dẫn đến năng suất và hiệu quả kinh tế chưa cao. Việc phát triển các loài cây trồng có giá trị kinh tế cao để tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung chưa được chú trọng đúng mức. Mặc dù vậy, thực tế cho thấy một số mô hình trồng cây công nghiệp như Mắc ca và Cà phê đã bắt đầu phát huy hiệu quả, mở ra triển vọng về việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương

2.4. Văn hóa xã hội:

- Thông tin văn hóa: Thời gian qua, công tác thông tin văn hóa được tập trung phát triển, mở rộng mạng lưới. Đại đa số các xã đã có lưới điện quốc gia, phần lớn làng, bản cũng được kéo điện lưới.

- Y tế: Những năm gần đây, công tác y tế trên địa bàn của Công ty đã được chú trọng phát triển, nâng cấp. Hầu hết các xã trong vùng đã có trạm y tế và bố trí cán bộ phục vụ thường xuyên.

- Giáo dục: Công tác giáo dục bước đầu được chú trọng đầu tư, hiện nay các thôn bản trong vùng đã có trường mẫu giáo, trường tiểu học để dạy chữ và kiến thức phổ thông cho trẻ em trên địa bàn.

- Bưu chính, viễn thông: Các thôn bản khu vực chứng nhận đều có sóng điện thoại di động, mạng lưới thông tin đại chúng rộng rãi như qua đài phát thanh địa phương qua ti vi, tuy nhiên chất lượng sóng còn yếu và diện phủ sóng còn chưa đều, mặt khác do điều kiện kinh tế, số người dùng điện thoại chưa nhiều, vì vậy công tác thông tin liên lạc nhiều khi vẫn gặp khó khăn.

3. Các rủi ro xã hội và môi trường chủ yếu trong khu vực, như được xác định từ Nguyên tắc 2 đến Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9.

Mỗi nguy hiểm phòng ngừa trong các hoạt động của Doanh nhóm hộ

STT	Các rủi ro	Hoạt động				
		Sử dụng máy móc	Trồng rừng	Chăm sóc	Khai thác	Vận chuyển
1	Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp	x				x
2	Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật		x	x		
3	Điện giật	x				
4	Vật độc như rắn, rết, bọ cạp cắn, ong chích	x	x	x	x	x
5	Bỏng ngạt do lửa rừng hoặc đốt thực bì		x	x	x	
6	Trơn trượt ngã trên các sườn dốc	x	x	x	x	x
7	Đá, đất lăn, trượt theo sườn dốc	x	x	x	x	x
8	Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, các loại hoa quả, lá cây ở trong rừng)	x	x	x	x	x
9	Say nắng	x	x	x	x	x
10	Cây đổ	x		x	x	x
11	Cành cây khô mục gãy rơi xuống	x	x	x	x	x
12	Mất thăng bằng, ngã đổ theo cây chặt			x	x	x
13	Đứt xích cửa xăng			x	x	
14	Gãy lam cửa xăng			x	x	
15	Bụi (do mặt cửa khi cắt cây bằng cửa máy)			x	x	
16	Tiếng ồn từ máy cửa, máy cắt cỏ (giảm thính giác)	x		x	x	x
17	Đứt cáp tời xe	x			x	x

STT	Các rủi ro	Hoạt động				
		Sử dụng máy móc	Trồng rừng	Chăm sóc	Khai thác	Vận chuyển
18	Xe trôi xuống dốc	X	X	X	X	X
19	Gỗ trôi từ trên cao xuống	X		X	X	X
20	Nước lũ cuốn	X	X	X	X	X
21	Sa lầy	X	X	X	X	X
22	Gỗ đè	X		X	X	X
23	Người rơi khỏi xe	X	X	X	X	X
24	Gỗ rơi xuống đường	X			X	X
25	Lật xe	X	X		X	X
26	Cuốc vào chân		X	X		
27	Cốc vào người khác do đứng quá gần		X	X		
28	Cây đè do khai thác sai kỹ thuật				X	X

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN

1. Quyền của người lao động, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, bình đẳng giới, như đã xác định trong Nguyên tắc 2;

- Các điều kiện tuyển dụng và điều kiện việc làm của người lao động được xác định phù hợp với luật pháp Việt Nam và trong 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động (1998).

- Người lao động không bị ngăn cấm tham gia tổ chức lao động mà họ tự lựa chọn và quan tâm. Công ty không can thiệp vào quyền của người lao động để thành lập tổ chức lao động của họ.

- Các thỏa thuận với tổ chức chính thức và không chính thức của người lao động trên cơ sở thỏa ước tập thể được thực thi theo luật hiện hành.

- Không tồn tại bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào tại khu vực cả người lao động của các nhà thầu chính và nhà thầu phụ.

- Luật bình đẳng giới số 73/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2006 được áp dụng tại Công ty và phòng chống

phân biệt đối xử về giới trong các hoạt động tuyển dụng, cơ hội đào tạo, trao hợp đồng, quá trình tham gia vào các hoạt động quản lý.

- Nhóm hộ trao cơ hội việc làm bình đẳng cho cả phụ nữ và nam giới, và phụ nữ được khuyến khích tham gia trong tất cả các cấp độ của việc làm.

- Những công việc do phụ nữ thực hiện, phụ nữ phải được đào tạo về sức khỏe & an toàn ở mức độ tương tự như yêu cầu đối với công việc do nam giới thực hiện

- Phụ nữ và nam giới được trả tiền công bằng nhau khi họ cùng làm một công việc như nhau.

- Phụ nữ được nghỉ thai sản theo quy định của luật bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Người cha được nghỉ thai sản theo qui định của luật bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Các cuộc họp, các ban quản lý và các diễn đàn ra quyết định được tổ chức có sự tham gia phụ nữ và nam giới đồng thời tạo thuận lợi cho sự tham gia tích cực của cả hai giới.

- Nhóm hộ có quy định về phòng chống quấy rối tình dục và cơ chế bảo mật để giải quyết và loại bỏ các trường hợp quấy rối tình dục và phân biệt đối xử về giới tính, tình trạng hôn nhân, cha mẹ hoặc khuynh hướng lạm dụng tình dục.

- Người lao động được trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp với nhiệm vụ được giao.

- Công ty quy định sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân là yêu cầu bắt buộc đối với từng hoạt động cụ thể.

- Lưu giữ hồ sơ về việc triển khai các biện pháp chăm sóc sức khỏe và an toàn lao động bao gồm cả các trường hợp tai nạn và thời gian nghỉ việc do tai nạn.

- Công ty chi trả tiền lương đáp ứng hoặc cao hơn mức lương/ hoặc thỏa thuận lương tối thiểu của ngành lâm nghiệp đã được công nhận, hay bằng hoặc cao hơn mức lương tối thiểu theo quy định pháp luật.

- Người lao động được đào tạo phù hợp với công việc cụ thể của hộ nhằm góp phần vào việc thực hiện các hoạt động quản lý.

- Công ty thông qua sự tham gia của người lao động ban hành quy trình giải quyết khiếu nại để có cơ chế giải quyết khiếu nại và thực hiện bồi thường công bằng cho người

lao động đối với những tổn thất hoặc thiệt hại về tài sản, bệnh hoặc thương tật nghề nghiệp

2. Người dân tộc, quan hệ cộng đồng, phát triển kinh tế và xã hội của địa phương, như xác định trong Nguyên tắc 3, Nguyên tắc 4 và Nguyên tắc 5;

Kết quả điều tra đánh giá tác động xã hội được phân tích và đánh giá trong báo cáo và tóm tắt kết luận như sau:

- Rừng trồng của nhóm hộ được hình thành từ đất trồng đồi núi trọc, cây bụi rải rác.
- Không có mâu thuẫn xã hội, các hoạt động lâm nghiệp của nhóm hộ không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của các hộ lân cận.
- Người dân trong khu vực được đối xử bình đẳng, không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý của Công ty.
- Các quyền hợp pháp, và quyền truyền thống của người dân không bị ảnh hưởng khi Công ty thực hiện các hoạt động lâm sinh.
- Các quyền, phong tục, văn hóa của người dân tại địa phương được xác định trong UNDRIP và Công ước ILO 169 không bị vi phạm.
- Không thấy xuất hiện các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tại khu vực này.
- Trong khu vực không có xuất hiện kiến thức truyền thống của người dân, hình thức canh tác của người dân lạc hậu, thiếu kiến thức và kỹ thuật lâm sinh trong trồng rừng.
- Công ty sử dụng lao động chính là những lao động đủ tuổi lao động phù hợp với các nguyên tắc và quyền về việc làm được nêu trong 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động.
- Không thấy bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong khu vực.
- Không có tranh chấp đất đai, người dân ổn định sản xuất phát triển kinh tế xã hội.
- Được các cấp chính quyền, các đoàn thể bảo vệ lợi ích bình đẳng giới giữa nam và nữ được đối xử như nhau khi họ cùng làm một công việc như nhau.

- Cán bộ công nhân viên được trang bị bảo hộ lao động và được tập huấn về an toàn lao động.

3. Sự tham gia của các bên liên quan và giải quyết các tranh chấp và khiếu nại, như đã xác định trong Nguyên tắc 1, Nguyên tắc 2 và Nguyên tắc 7;

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;

- Luật đất đai năm 2024;

- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

- Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNPTNT ngày 04/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về phân định ranh giới rừng;

- Tình hình quản lý sử dụng đất tại Doanh nghiệp và tập quán canh tác của nhân dân trên địa bàn.

Trình tự các bước xử lý:

Bước 1: Xác định vấn đề tranh chấp và thụ lý hồ sơ, phân công người đại diện giải quyết và thời gian giải quyết.

Bước 2: Nhóm hộ sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp thu thập các bằng chứng khách quan để phục vụ cho công tác điều tra, giải quyết tranh chấp. Quy trình giải quyết tranh chấp được thực hiện trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày xác định các vấn đề tranh chấp và thụ lý hồ sơ. Nếu có trường hợp ngoại lệ cần thêm thời gian để giải quyết, nhóm hộ sẽ thông báo cho các bên liên quan bằng văn bản.

- Tổ chức, cá nhân hoặc Doanh nghiệp có đơn thư khiếu nại về tranh chấp hoặc quá trình kiểm tra, tác nghiệp của một hay nhiều bên phát hiện có việc tranh chấp.

- Khi phát hiện hoặc có đơn thư khiếu nại về tranh chấp thì 2 bên cùng nhau lập biên bản hiện trường và yêu cầu 2 bên giữ nguyên hiện trường, tạm ngừng mọi hoạt động trên hiện trường có tranh chấp.

- Sau không quá 5 ngày, nhóm hộ phối hợp cùng với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý cấp huyện và tổ chức, cá nhân tiến hành kiểm tra hồ sơ, tài liệu và kiểm tra những tranh chấp.

- Sau khi có biên bản kiểm tra, các bên liên quan hợp thống nhất và giải quyết như sau:

+ Trường hợp thứ nhất: Nhóm hộ sai thì phải bồi thường thiệt hại ít nhất bằng giá trị của tranh chấp theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp thứ hai: Tổ chức, cá nhân sai thì phải bồi thường thiệt hại ít nhất bằng giá trị tranh chấp cho nhóm hộ hoặc khắc phục lại các tranh chấp cho nhóm hộ theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp thứ ba: Nếu các bên không tự thỏa thuận được với nhau thì chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

4. Các hoạt động quản lý dự kiến và các mốc thời gian, các biện pháp lâm sinh, các thiết bị và phương pháp khai thác chính như đã xác định trong Nguyên tắc 10;

4.1. Bảo vệ và phòng cháy rừng:

Diện tích rừng tham gia quản lý rừng bền vững (bao gồm: 4.171,23 ha rừng trồng và 572,15 ha rừng phục hồi). Ưu tiên bảo vệ những diện tích rừng non mới trồng chưa khép tán. Những đối tượng rừng đến tuổi khai thác, đối tượng rừng trồng sau khi đã hết thời kỳ (3 năm) chăm sóc được chuyển sang QLBR và phòng chống cháy rừng.

Các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng:

- Những nơi có tính rủi ro cao yêu cầu phải có biên bản cam kết phối hợp trong công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng với chính quyền địa phương và các bên có liên quan khác.

- Biện pháp kỹ thuật: Tuân thủ quy trình hướng dẫn kỹ thuật PCCCR của chi cục Kiểm lâm và trong quy trình kỹ thuật của Công ty.

- Thời gian: từ năm 2024-2027

- Tuần tra thường xuyên, làm đường băng cản lửa, giám sát các lô rừng, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm.

- Tuân thủ Luật Lâm nghiệp

- Theo dõi phòng trừ sâu bệnh hại, phát hiện kịp thời và có các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh hàng năm.

4.2. Khai thác rừng:

Căn cứ vào biểu hiện trạng diện tích rừng trồng nhóm hộ đang quản lý, Diện tích kinh doanh rừng trồng của BQL 4.229,39ha Với chu kỳ trồng rừng 5 năm hàng năm dự kiến khai thác 825 ha.

Bảng Kế hoạch khai thác rừng trồng 5 năm

TT	Năm Khai thác	Diện tích ước tính (ha)	Sản lượng Khai thác dự kiến (Tấn)	Mục đích sử dụng
1	2025	825	109340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
2	2026	825	109340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
3	2027	825	109340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
4	2028	825	109340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
5	2029	825	109340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén

- Tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá: Cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm Lập kế hoạch khai thác theo năm, quý, tháng, trình giám đốc phê duyệt và xây dựng hồ sơ thiết kế khai thác để khai báo chuỗi hành trình sản phẩm CoC. Sau khi cấp mã số khai thác, nhóm hộ có trách nhiệm đánh giá trữ lượng cây đứng và sản lượng khai thác và có trách nhiệm về kinh phí và tổ chức triển khai các hoạt động khai thác hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu để khai thác rừng và phải đảm bảo các điều kiện về an toàn lao động đối với người lao động và thực hiện đúng các quy định về thuê khoán, sử dụng lao động theo quy định của pháp luật. Phải áp dụng biện pháp khai thác tác động thấp để hạn chế những rủi ro và tác động tiêu cực đến kinh tế, môi trường và xã hội và phải chịu trách nhiệm phối hợp với nhà thầu thực hiện việc mở, tu sửa đường vận xuất trước và sau khi khai thác. Theo dõi giám sát khai thác, vận chuyển gỗ và tài liệu hóa hồ sơ gỗ có nguồn gốc FSC® từ lô rừng, khoảnh, tiểu khu số xe vận chuyển, ngày vận chuyển và nhập gỗ vào bãi

gỗ, xưởng chế biến gỗ rừng trồng (hồ sơ gỗ có nguồn gốc CoC) xem quy trình Khai báo hồ sơ lâm sản và chuỗi hành trình sản phẩm (FM/CoC)

4.3. Trồng rừng:

Kế hoạch trồng rừng nguyên liệu hàng năm

Năm trồng	Diện tích	Loài cây	Mật độ/ha	Làm đất
2025	825ha	Keo	=,<2.000	Thủ công
2026	825ha	Keo	=,<2.000	Thủ công
2027	825ha	Keo	=,<2.000	Thủ công
2028	825ha	Keo	=,<2.000	Thủ công
2029	825ha	Keo	=,<2.000	Thủ công

☐ Loài cây trồng: Keo lai, Bạch đàn trồng cây con có bầu với mật độ 1.600 - 2.000 cây/ha, trồng rừng thâm canh, tuân thủ quy trình trồng rừng của Công ty.

☐ Kỹ thuật trồng: Trồng bằng cây con có bầu, kích thước bầu 4x6 cm, làm đất cục bộ thủ công. Trồng rừng vào những ngày râm, mát hoặc sau mưa, nếu bầu là ninon phải dùng dao rạch vỏ túi bầu ninon, lấy ra khỏi bầu, không làm vỡ bầu đất, dùng cuốc hay giao khơi rộng hố vừa đủ đặt bầu, chiều sâu hố cao hơn chiều cao của bầu từ 3-5cm, đặt bầu cây trồng ngay ngắn, thân thẳng, lấp đất chèn chặt xung quanh gốc vun đất cao hơn cổ rễ 2-3cm. Cây con tạo trong bầu tự hủy, không phải bóc bỏ vỏ bầu.

☐ Tiêu chuẩn cây con tuân thủ quy trình trồng rừng xây dựng và ban hành áp dụng năm 2023.

☐ Cây con có trồng rừng đạt đường kính cổ rễ (Dcr) là: 0,25-0,35cm

☐ Chiều cao vút ngọn (H) là 25-35cm

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐÁNH GIÁ, NGĂN CHẶN VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ

1. Các giá trị môi trường như đã xác định trong Nguyên tắc 6 và Nguyên tắc 9;

- **Bảo vệ đất:** Rừng sau khi khai thác được tái trồng ngay sau 3 tháng, để bảo vệ các lớp đất mặt không bị sỏi mòn rửa trôi lớp đất mặt.

- **Bảo vệ nước:**

Đối với các lô rừng tiếp giáp với hành lang ven suối mà rừng đang ở giai đoạn chăm sóc nuôi dưỡng (từ tuổi 3 trở lên đến trước khai thác thì tiếp tục bảo vệ khu vực hành lang sông suối (tối thiểu 5m tính từ mép nước), không được phát dọn thực bì trên khu vực này. Khuyến khích trồng xen các cây bản địa với hàng Keo trong phạm vi hành lang ven suối.

Đối với các khu rừng Keo đến tuổi khai thác: Khi khai thác những lô rừng này thì những hàng cây nằm trong vùng hành lang ven sông suối chỉ được khai thác tối đa 70%. Số cây còn lại phải được giữ lại để làm hành lang ven suối. Phải trồng bổ sung cây bản địa xen dưới tán của những cây keo chừa lại để tạo ra một hành lang ven suối dọc theo khu vực tiếp giáp với lô rừng.

Đối với những lô rừng đã khai thác và trồng lại (rừng ở tuổi 1) nếu có phần diện tích hành lang ven suối thì phải tiến hành trồng xen cây bản địa vào và thực hiện các giải pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, hạn chế tối đa sự tác động tới thảm thực vật tự nhiên và lớp đất mặt.

Thường xuyên theo dõi khu vực dòng chảy, có biện pháp đảm bảo cho dòng chảy luôn được lưu thông tốt không bị tắc, nghẽn. Giám sát các hoạt động khai thác, mở đường hạn chế thấp nhất đến ô nhiễm nguồn nước.

Diện tích bảo vệ hành lang ven suối, khu vực không khai thác gỗ có diện tích là 15,16 ha được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hệ tọa độ VN-2000

Hành lang bảo vệ xung quanh hồ, đập nước, khu vực ven sông suối phụ thuộc vào độ dốc địa hình được xác định tối thiểu như sau:

Độ rộng suối (giữa hai bờ)	Vùng đệm cần thiết lập (bằng mét) (Độ rộng hai phía và tính từ giữa dòng)
-----------------------------------	--

< 1m	Vùng đệm 1m
1-5m	10 (5)
6-10m	20 (10)
11-20m	50 (25)
21-40m	80 (40)
>40m	200 (100)

2. Giá trị xã hội được xác định trong Nguyên tắc 2, Nguyên tắc 5 và Nguyên tắc 9.

❖ Trang bị bảo hộ lao động:

Trang bị bảo hộ lao động khi làm việc theo thiết bị bảo hộ cá nhân PPE thích hợp cho từng hoạt động lâm nghiệp

Bộ phận cơ thể cần được bảo hộ	Bàn chân	Chân	Thân người, tay, chân	Bàn tay	Đầu	Mắt	Mắt/Mặt	Thính giác
PPE phù hợp thông thường	Bốt hoặc giày bảo vệ	Quần bảo hộ	Quần áo vừa sát người	Găng tay	Mũ bảo hộ	Kính mắt	Tấm che mặt (lưới)	Bịt tai
Hoạt động Trồng rừng								
Thủ công	✓	✓						
Nhổ cỏ/Dọn dẹp								
Công cụ lưỡi trơn	✓	✓	✓					
Dao quay/ cái đập	✓	✓	✓	✓				
Áp dụng thuốc trừ sâu	Thực hiện theo quy định cụ thể cho chất và kỹ thuật áp dụng riêng biệt							
Hoạt động cắt tỉa								
Công cụ bằng tay	✓	✓	✓	✓				
Đốn cây								

Bộ phận cơ thể cần được bảo hộ	Bàn chân	Chân	Thân người, tay, chân	Bàn tay	Đầu	Mắt	Mắt/Mặt	Thính giác
Công cụ bằng tay	✓	✓	✓	✓				
Cưa xăng	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
Hoạt động bốc dỡ								
Thủ công	✓	✓	✓	✓	✓			
Bằng máy	✓	✓	✓	✓	✓			
Vận chuyển								
Thủ công	✓	✓	✓	✓	✓			
Xếp/bốc	✓	✓	✓	✓	✓			
Hoạt động khai thác								
Sử dụng cưa xăng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Dao	✓				✓			

3. Một mô tả về chương trình giám sát, như đã xác định trong Nguyên tắc 8, bao gồm:

- ✓ Tăng trưởng và sản lượng như được xác định trong Nguyên tắc 5
- ✓ Các giá trị môi trường như đã xác định trong Nguyên tắc 6
- ✓ Tác động của các hoạt động như được xác định trong Nguyên tắc 10
- ✓ Các giá trị bảo tồn cao như đã xác định trong Nguyên tắc 9
- ✓ Hệ thống giám sát dựa trên sự tham gia của các bên liên quan được lập kế hoạch hoặc thực thi như được xác định trong Nguyên tắc 2, Nguyên tắc 5 và Nguyên tắc 7
- ✓ Các bản đồ mô tả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và quy hoạch sử dụng đất trong đơn vị quản lý tỷ lệ 1/25.000 or 1/50.000 theo hệ quy chiếu VN 2000

V. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Quản lý bảo vệ rừng tự nhiên:

Thường xuyên tổ chức quán triệt, xây dựng phương án, chương trình hành động, kế hoạch thực hiện và đề ra nhiều giải pháp đồng bộ. Phối hợp với chính quyền địa

phương, Hạt Kiểm lâm; lực lượng bảo vệ rừng tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, tuần tra; bố trí mạng lưới chốt, trạm bám rừng, gần dân kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm hại đến rừng với phương châm bảo vệ rừng tận gốc nên không để xảy ra điểm nóng về phá rừng, khai thác rừng trái phép. Công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng thường xuyên được chú trọng, các năm qua trên địa bàn không xảy ra cháy rừng.

Thường xuyên tuyên truyền Luật Lâm nghiệp, Luật Phòng cháy chữa cháy rừng; vận động nhân dân canh tác gần rừng, thực hiện các quy định của Luật Lâm nghiệp. Vì vậy, trong 5 năm qua công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng đã không xảy ra các vụ vi phạm gây thiệt hại rừng, diện tích đất chưa có rừng từng bước được phủ xanh.

2. Quản lý rừng trồng:

Công ty hợp đồng hợp đồng với người dân địa phương tổ chức trồng, chăm sóc bảo vệ rừng trong 3 năm đầu, từng công đoạn đều tổ chức nghiệm thu đảm bảo đủ tiêu chuẩn mới thực hiện các công đoạn tiếp theo, sau khi trồng rừng xong 1 tháng tiến hành đo đếm ô tiêu chuẩn, đảm bảo mật độ cây sống, sinh trưởng tốt thì nghiệm thu thanh toán. Nếu không đạt thì yêu cầu bên thi công phải tiếp tục đầu tư trồng dặm cho đạt tỷ lệ yêu cầu. Nhìn chung tình hình rừng trồng sinh trưởng và phát triển tốt.

Bên cạnh đó thực hiện các nhiệm vụ như: Tuần tra, quản lý bảo vệ rừng trong khu vực; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt Luật Lâm nghiệp.

Hiện nay, diện tích rừng trồng của Công ty góp phần thực hiện nhiệm vụ phủ xanh đất trống đồi núi trọc trong phạm vi đất rừng được giao quản lý và tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại chỗ; góp phần trong việc phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng:

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng: Hàng năm Công ty tổ chức tuyên truyền cho các thôn làng về an toàn lửa rừng với các hộ dân canh tác gần rừng,

4. Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học:

a) Đa dạng thực vật rừng

Dưới tán rừng trồng là các loài Keo + Bạch đàn là một số loài thân thảo hoặc cây bụi nhỏ mọc rải rác như Ruột gà (*Hedyotis* sp.), các loài Dương xỉ (*Cneopteris* sp.,

Asplenium spp.)... và các loài họ Gừng như Catimbum bracteatum, Alpinia spp., Globa sp, Cỏ tranh (Imperata cylindrica)...

b) Đa dạng động vật rừng

Kết quả báo cáo điều tra hệ động vật rừng trong khu vực và lân cận có sự xuất hiện của 17 loài thú, 88 loài chim, 21 loài bò sát, 18 loài ếch nhái. Tổng số các loài này không thấy loài nào có tên trong Sách đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ IUCN ở các cấp: Rất nguy cấp (CR) và Nguy cấp (EN); Các loài có tên trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP và Nghị định 84/2021/NĐ - CP và Các loài có tên trong các phụ lục I&II của Công ước CITES.

Công tác quản lý các loài này của Doanh nghiệp nghiêm cấm mọi hành vi săn bắt động vật trong rừng và thường xuyên tuần tra giám sát bảo vệ các loài này.

c) Thực trạng môi trường

Rừng trồng được trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý bảo vệ tốt, không có thiệt hại lớn do cháy rừng, và ít bị tác động bởi thiên tai sạt lở đất, lũ quét từ năm 1993 đến nay. Do vậy trong quá trình khảo sát đánh giá, tham vấn người dân địa phương chưa phát hiện có những tác động lớn đến rừng về môi trường sinh thái.

d) Thực trạng tác động xã hội

Kết quả điều tra đánh giá tác động xã hội được phân tích và đánh giá trong báo cáo và tóm tắt kết luận như sau:

- Rừng trồng của Doanh nghiệp được hình thành từ đất trống đồi núi trọc, cây bụi rải rác.

- Không có mâu thuẫn xã hội, các hoạt động lâm nghiệp của Doanh nghiệp không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của các hộ lân cận.

- Không có người dân tộc trong vùng, người dân trong khu vực được đối xử bình đẳng không phân biệt dân tộc, không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

- Các quyền hợp pháp, và quyền truyền thống của người dân không bị ảnh hưởng khi Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động lâm sinh.

- Các quyền, phong tục, văn hóa của người dân tại địa phương được xác định trong UNDRIP và Công ước ILO 169 không bị vi phạm.

- Không thấy xuất hiện các địa điểm có ý nghĩa đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế, tín ngưỡng hay tâm linh đối với người dân tại khu vực này.

- Trong khu vực không có xuất hiện kiến thức truyền thống của người dân, hình thức canh tác của người dân lạc hậu, thiếu kiến thức và kỹ thuật lâm sinh trong trồng rừng.

- Doanh nghiệp sử dụng lao động phù hợp với các nguyên tắc và quyền về việc làm được nêu trong 8 Công ước Lao động cốt lõi đã được ILO tuyên bố về Nguyên tắc và quyền cơ bản của người lao động .

- Không thấy bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong khu vực.

- Không có tranh chấp đất đai, người dân ổn định sản xuất phát triển kinh tế xã hội.

- Được các cấp chính quyền, các đoàn thể bảo vệ lợi ích bình đẳng giới giữa nam và nữ được đối xử như nhau khi họ cùng làm một công việc như nhau.

VI. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG RỪNG

Bảng phân vùng chức năng

TT	Diện tích (Ha)	Chức Năng	Hoạt động
1	572,15	Không sản xuất kinh doanh	Bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên
2	41,86	Không sản xuất kinh doanh	Bảo vệ hành lang ven suối đối với các khu rừng có suối chảy qua, bảo vệ dòng chảy của suối.
3	4.129,37	Sản xuất kinh doanh	Trồng, chăm sóc, khai thác rừng
Tổng	4.743,38		

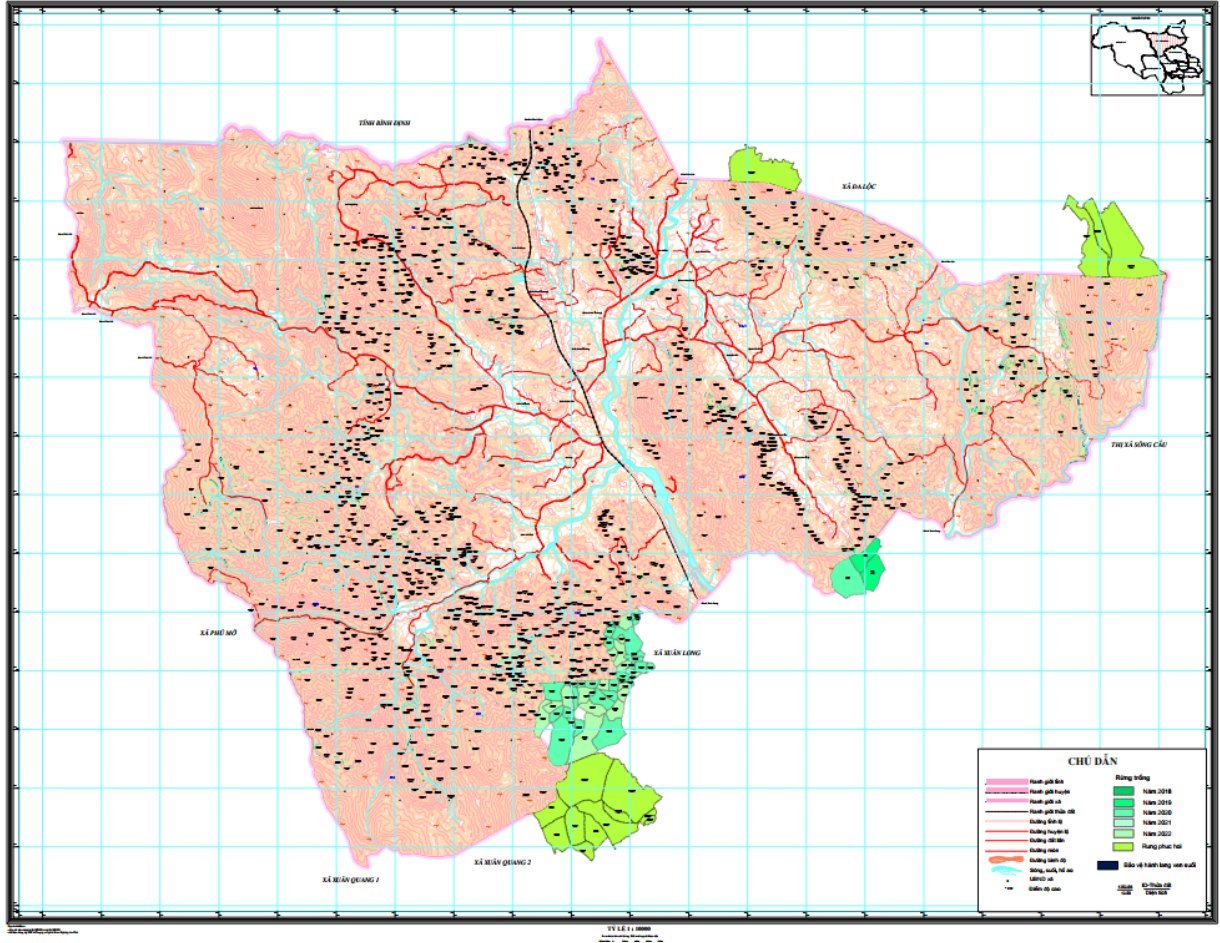
- Diện tích 572,15ha ha rừng không sản xuất kinh doanh trồng rừng và được khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng.

- Diện tích 41,86 Ha Không sản xuất kinh doanh quản lý hai bên hành lang ven suối đối với các khu rừng có suối chảy qua, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ dòng chảy.

doanh.

Bản đồ phân vùng chức năng rừng Công ty CPLN An Phú

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG TRỒNG BAN CHỨNG CHỈ RỪNG CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP AN PHÚ NĂM 2023
XÃ XUÂN LÃNH, HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN



Phần thứ ba

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

1) Cung cấp nhu cầu gỗ nguyên liệu ổn định, lâu dài, bền vững cho nhà máy chế biến gỗ viên nén năng lượng xuất khẩu với nhu cầu nguyên liệu gỗ Keo bầm.

2) Sử dụng có hiệu quả rừng và đất rừng với chi phí và lợi nhuận hợp lý nhất, đảm bảo tính liên tục - ổn định - lâu dài, hạn chế đến mức thấp nhất những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và chất lượng của rừng. Áp dụng khai thác, chế biến tận dụng lâm sản với giá thành thấp, chất lượng cao, sản phẩm có thể cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Phát huy tiềm năng và lợi thế nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao, tăng chuỗi giá trị gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC cho nhu cầu xuất khẩu.

3) Tạo công ăn việc làm ổn định, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa phương sống gần rừng, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động.

4) Bảo vệ môi trường thông qua hoạt động tái trồng rừng trên các diện tích đất trống và đồi trọc, giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường trong quá trình khai thác mở đường vận xuất, vận chuyển gỗ. Phát huy tối đa chức năng của rừng như bảo vệ đất đai, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt; hạn chế xói mòn đất, rửa trôi đất, điều hòa nguồn nước, hạn chế thiên tai lũ lụt, hạn hán và cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất; bảo vệ môi trường sinh thái, giảm phát thải và bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu kinh tế

Sản xuất nguyên liệu gỗ Keo có nguồn gốc cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu, gỗ viên nén từ khai thác rừng trồng với sản lượng ổn định bình quân 369.000 m³ cho chu kỳ kinh doanh rừng 5 năm. Đặc biệt năm 2024 có thể khai thác với sản lượng 69.000 m³ gỗ viên nén để cung cấp cho nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu.

Thu hồi vốn đầu tư thông qua việc phát triển rừng trồng với các loài cây sinh trưởng nhanh, năng suất cao, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân sử dụng bền vững để tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị cao từ rừng trồng.

Quản lý có hiệu quả các khu vực rừng trồng tham gia Nhóm chứng chỉ quản lý rừng bền vững, lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa, cho năng suất cao, đảm bảo nâng cao chuỗi giá trị cho hộ gia đình trồng rừng có chứng chỉ FSC cao hơn từ 5-10% so với những hộ gia đình không tham gia Nhóm FSC.

2.2. Mục tiêu môi trường

Tổ chức quản lý bảo vệ đất, bảo vệ hành lang sông, suối hồ, đập thủy lợi, hạn chế thấp nhất đến xói mòn đất.

Bảo vệ 42,19 ha hai bên hành lang ven suối, duy trì 572,15 ha rừng phục hồi diễn thế tự nhiên, bảo vệ các nguồn nước phục vụ sinh hoạt cộng đồng, tưới tiêu nông nghiệp, hạn chế xói mòn, sạt lở ở các khu vực có độ dốc cao, nhiều khe suối thường xuyên xảy ra sạt lở, lũ ống, lũ quét. Bảo vệ nơi cư trú theo mùa của các loài động vật, bảo vệ các nguồn gen thực vật.

2.3 Mục tiêu xã hội

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia tích cực đầu tư, liên doanh liên kết với nhóm hộ, phát triển trồng rừng nguyên liệu và chế biến gỗ xuất khẩu tạo nhiều việc làm, thu hút lao động địa phương tham gia các hoạt động quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, khai thác, chế biến và xuất khẩu các sản phẩm gỗ.

Hàng năm thu hút khoảng 90% lao động hộ gia đình tại địa phương và khoảng trên 700 hộ gia đình tham gia vào các hoạt động trồng, chăm sóc rừng trồng, khai thác gỗ và quản lý bảo vệ rừng. Gia tăng chuỗi giá trị gỗ, tăng thu nhập cho người lao động nghề rừng năm sau cao hơn năm trước từ 3-5%, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững cho người dân trong vùng.

Đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nâng cao trình độ chuyên môn về lâm nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.

II. THỜI GIAN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VÀ CẬP NHẬT HÀNG NĂM

Hiện tại theo truyền thống người dân địa phương, hộ gia đình trong khu vực đã và đang trồng rừng Keo, với mật độ 2.500 cây/ha, có nơi trồng mật độ 3.500 cây/ha, chu kỳ khai thác gỗ 5 năm, sản lượng gỗ khai thác phục vụ cho gỗ viên nén bán nguyên liệu thô cho tư nhân buôn bán gỗ. Được sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của Công ty CPLN An Phú, hộ gia đình, cộng đồng cam kết quản lý rừng bền vững và liên tục lâu dài, các nguồn lực và kế hoạch hoạt động với chu kỳ khai thác rừng từ 5 năm trở lên.

Chu kỳ thực hiện kế hoạch quản lý rừng bền vững là 5 năm để đảm bảo thời gian sinh trưởng tối đa nhất của rừng trồng. Rừng sau khai thác sẽ được đầu tư trồng lại ngay trong năm. Vì vậy kế hoạch QLRBV sẽ được cập nhật hàng năm dựa vào kết quả giám sát tăng trưởng rừng trên các ô tiêu chuẩn cố định hàng năm và nguồn lực thực thi các hoạt động để bản kế hoạch phù hợp hơn với thực tế sản xuất.

III. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

1. Kế hoạch quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh

- **Đối tượng:** Tất cả các đối tượng, diện tích rừng tham gia quản lý rừng bền vững 4.743,38 ha. Ưu tiên bảo vệ những diện tích rừng non mới trồng chưa khép tán. Những đối tượng rừng đến tuổi khai thác, đối tượng rừng trồng sau khi đã hết thời kỳ (3 năm chăm sóc) được chuyển sang QLBRV và phòng chống cháy rừng.

Các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng:

Biện pháp kỹ thuật: Tuân thủ hướng dẫn PCCCR của Hạt Kiểm lâm huyện.

+ Tuần tra thường xuyên trên toàn bộ diện tích rừng do nhóm hộ quản lý, tuyên truyền, giám sát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

+ Không cho người và gia súc vào phá hoại rừng.

+ Phòng chống lửa rừng

+ Phòng chống sâu bệnh hại, theo dõi phòng trừ sâu bệnh hại, phát hiện kịp thời và có các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh hàng năm.

+ Quản lý rác thải

+ Quản lý hóa chất độc hại bị cấm bởi tổ chức FSC.

+ Quản lý các tác nhân sinh học

+ Không được sử dụng các sinh vật biến đổi gen

2 Kế hoạch bảo vệ vùng đệm hành lang ven suối và rừng Khoanh nuôi phục hồi

2.1. Bảo vệ vùng đệm hành lang ven suối ven sông

Diện tích bảo vệ: 41,86 ha tại các khu rừng có suối chảy qua.

- *Khái niệm, tác dụng của vùng đệm*

Vùng đệm là diện tích để lại dọc theo sông - suối, là hành lang sinh thái cho động vật hoang dã di chuyển, cư trú và để giảm thiểu xói mòn đất dọc theo sông suối.

Ngoài ra, vùng đệm còn hạn chế hóa chất ngấm xuống nước sông - suối, duy trì chất lượng của dòng nước. Đồng thời hạn chế việc phát tán quả, hạt các loại cây rừng trồng bị thoái hóa.

Biện pháp kỹ thuật quản lý vùng đệm

- *Đối với chuẩn bị trồng rừng mới*

Không dọn sạch, chặt trắng, không làm xáo trộn đất bề mặt khu vùng đệm;

Không được phép chăn thả gia súc quá mức ở vùng đệm;

Không được trồng các cây gỗ trồng chính trong vùng đệm, ví dụ: cây trồng chính là Keo lai thì trong vùng đệm không được trồng Keo lai mà chỉ có thể trồng các cây gỗ bản địa tại vị trí ranh giới bảo vệ vùng đệm;

Trong giai đoạn chăm sóc rừng trồng, không được phát dọn thực bì trong khu vùng đệm được bảo vệ;

Sau các chu kỳ khai thác rừng trồng cần trồng bổ sung thêm các cây gỗ bản địa tại vùng ranh giới bảo vệ vùng đệm;

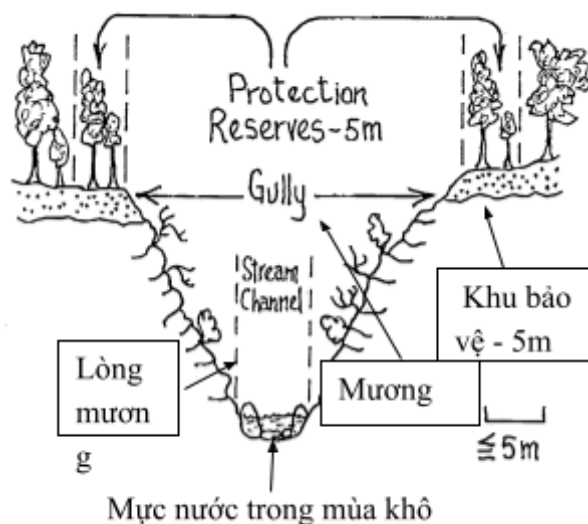
Bề rộng của vùng đệm dọc theo bờ sông - suối được khuyến cáo như sau:

- a) Ít nhất 15 m ở hai bên bờ đối với lòng sông rộng hơn > 10 m;
- b) Ít nhất 7,5 m ở hai bên bờ đối với lòng sông - suối rộng 5 - 10 m;
- c) Ít nhất 5 m ở hai bên bờ đối với lòng suối rộng < 5 m.

- *Đối với rừng đã trồng vào vùng đệm*

Việc này có thể chủ rừng đã thực hiện trước khi tham gia nhóm chứng chỉ rừng/ hoặc các chủ rừng chưa nhận biết hết giá trị bảo vệ vùng đệm dọc theo hai bên bờ sông - suối. Các lô rừng đã trồng cây gỗ trồng chính trong vùng đệm sẽ phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật sau đây để khắc phục:

Trong quá trình chăm sóc không được tác động phát dọn thực bì trong vùng đệm, nếu có thể chỉ cắt bỏ dây leo cho những cây trồng chính;



Khi khai thác, chỉ được khai thác chọn các cây gỗ lớn và để lại các cây gỗ nhỏ cho các chu kỳ khai thác tiếp theo;

Sau khai thác không được trồng cây tiếp vào vùng đẽm, chỉ được trồng các cây gỗ bản địa tại ranh giới bảo vệ vùng đẽm.

- Xây dựng hệ thống biển báo, biển cấm về bảo vệ rừng tại các khu vực có nguồn nước hành lang hai bên ven suối, ven hồ, tăng cường tuần tra, ngăn chặn kịp thời các tác động xấu đến rừng và tài nguyên rừng, đẩy mạnh tuyên truyền về công tác quản lý bảo vệ rừng và bảo vệ hành lang ven suối, ven hồ.

- Thường xuyên theo dõi các khu vực dòng chảy đến hồ, có biện pháp đảm bảo cho dòng chảy luôn được lưu thông tốt không bị tắc, nghẽn, giám sát việc không khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, quản lý hóa chất độc hại theo quy định của pháp luật.

- Tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên nước và môi trường, cảnh, ngọn cây không được vớt xuống suối.

- Đối với công tác mở đường, xây dựng các tuyến đường lâm nghiệp cần tuân thủ chặt chẽ các quy định về quy hoạch đường băng qua suối trước khi tiến hành hoạt động và phải được chỉ rõ trên bản đồ và giảm thiểu số lượng đường băng qua suối, đường được giữ càng xa các khu suối càng tốt.

- Cổng được thiết kế để chúng không cản trở sự di cư của cá, tạo ra vận tốc nước mạnh hoặc các lòng suối không phù hợp với cá.

- Đường không được xây dựng qua các khu vực nhạy cảm về môi trường, máy móc thiết bị khai thác không được đưa vào khu vực suối, hồ. Các thùng và các kho nhiên liệu được sắp xếp hợp lý để tránh việc do sự cố tràn dầu hay các lỗi tiếp nhiên liệu sẽ làm ô nhiễm nguồn nước.

- Các chất thải phải được để đúng nơi quy định và phải được xử lý không được thải trực tiếp vào nguồn nước

- Phải bảo vệ dòng chảy nếu bị phá vỡ, trong khi thi công đường phải khôi phục kịp thời và phải dừng hoạt động đó ngay lập tức nếu chưa khôi phục được .

Bảng Thống kê diện tích bảo vệ hai bên hành lang ven suối

TT	Địa chỉ Thôn	Diện tích hành lang ven suối	Mục tiêu bảo vệ
----	--------------	------------------------------	-----------------

1	thôn Lãnh Vân	8.11	a) Ít nhất 15 m ở hai bên bờ đối với lòng sông rộng hơn > 10 m; b) Ít nhất 7,5 m ở hai bên bờ đối với lòng sông - suối rộng 5 - 10 m; c) Ít nhất 5 m ở hai bên bờ đối với lòng suối rộng < 5 m
2	thôn Xí Thoại	7.13	
3	thôn Da Dù	1.89	
4	thôn Hà Rai	20.76	
5	thôn Lãnh Cao	-	
6	thôn Lãnh Trường	1.92	
7	thôn Lãnh Tú	0.58	
8	thôn Soi Nga	1.47	
	Tổng	41.86	

2.2 Bảo vệ rừng khoanh nuôi

Diện tích bảo vệ 572,15ha

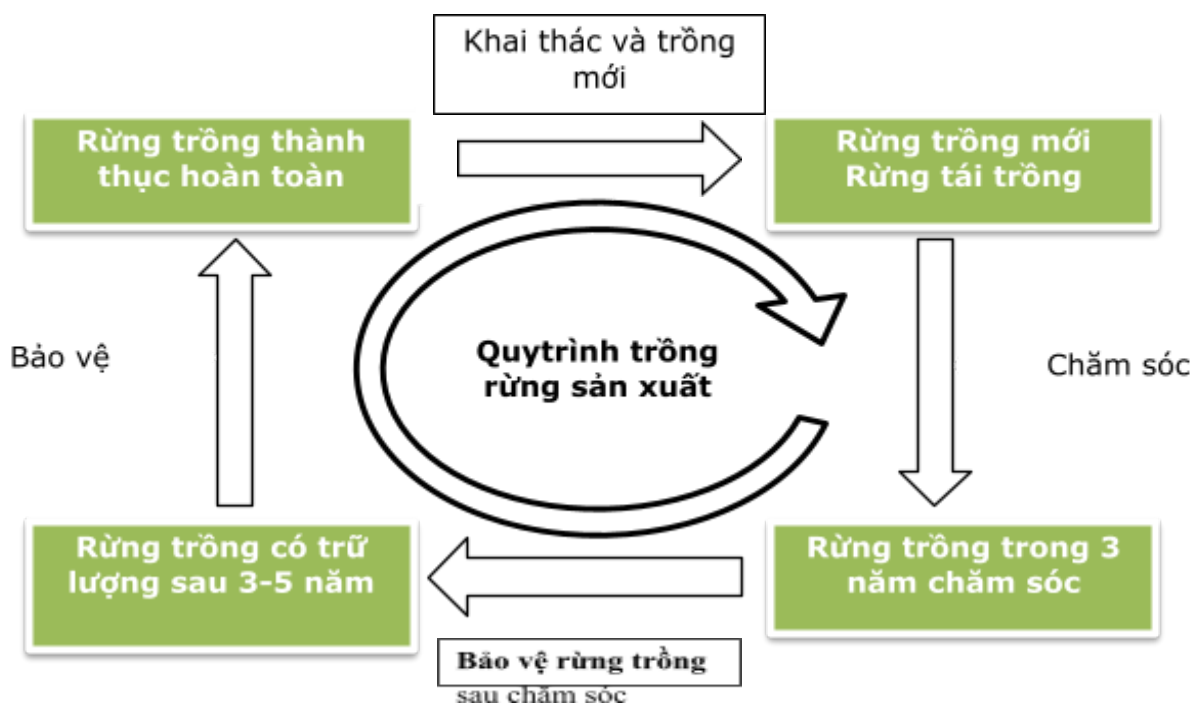
Mục tiêu quản lý: Bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái cảnh quan, đảm bảo rừng ổn định phục hồi diễn thế tự nhiên.

Mỗi tháng tuần tra 2 lần, không để xảy ra các hoạt động chặt phá rừng, săn bắn động vật rừng

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền cho mọi người dân hiểu rõ bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

3. Kế hoạch khai thác

Rừng trồng được thiết kế khai thác đảm bảo rừng tại thời điểm xây dựng kế hoạch quản lý phải là rừng trồng ở tuổi năm thứ 4 - 7 năm (rừng đã trồng được 4-7 năm) trở lên được xác định đạt điều kiện đưa vào khai thác theo luân kỳ của kế hoạch quản lý. Khuyến cáo người dân nên khai thác ở tuổi thứ 5 là tuổi thành thực của cây rừng và tuân thủ quy trình kỹ thuật khai thác rừng trồng theo sơ đồ quy trình kỹ thuật như sau:



Sơ đồ chu kỳ kinh doanh rừng trồng

Trước khai thác rừng và sau khi khai thác rừng trồng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường rừng ghi chép theo biểu mẫu sổ tay Quản lý nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

Khai thác xong phải xử lý thực bì và trồng rừng ngay trong năm theo đúng thời vụ. Xử lý thực bì phải thu gom cành ngọn tạo các đai băng song song với đường đồng mức để hạn chế xói mòn, bảo vệ đất, xử lý thực bì thủ công, không dùng hóa chất cấm, nếu trong điều kiện đặc biệt có thể đốt cục bộ, có quản lý lửa đốt theo đúng quy trình quản lý và sổ tay quản lý nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú;

Bảng Dự báo sản lượng rừng trồng năm 2025 nhóm chủ rừng Công ty CPLS An Phú.

TT	Năm Khai thác	Diện tích ước tính (ha)	Sản lượng Khai thác dự kiến (Tấn)	Mục đích sử dụng
1	2025	825	109.340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
2	2026	825	109.340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén

3	2027	825	109.340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
4	2028	825	109.340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén
5	2029	825	109.340,01	Xuất khẩu gỗ và viên nén

- Tổ chức thực hiện khai thác và giám sát khai thác:

Thực hiện theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản

Khai thác không vượt quá 20 ha tại các lô rừng có diện tích lớn hơn 20 ha hoặc ở các lô rừng liền vùng liền khoảnh đảm bảo tính bền vững về mặt môi trường.

Chủ rừng phải áp dụng biện pháp khai thác tác động thấp để hạn chế những rủi ro và tác động tiêu cực đến kinh tế, môi trường và xã hội và phải chịu trách nhiệm phối hợp với các nhà thầu thực hiện việc mở, tu sửa đường vận xuất trước và sau khi khai thác. Theo dõi giám sát khai thác, vận chuyển gỗ và tài liệu hóa hồ sơ gỗ có nguồn gốc FSC từ số hiệu lô rừng, tờ bản đồ, địa chỉ thôn/xã, số xe vận chuyển, ngày vận chuyển và nhập gỗ vào bãi gỗ, xưởng chế biến (hồ sơ gỗ FSC/FM có nguồn gốc)

Một hệ thống mẫu hồ sơ hợp đồng mua bán gỗ, mẫu biểu về khai báo đã được xây dựng cho Nhóm chủ rừng thuộc Công ty CPLN An Phú, Khuyến khích các chủ rừng thực hiện theo mẫu và kê khai đầy đủ.

4. Kế hoạch thực hiện các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong các hoạt động.

4.1 Giảm thiểu rủi ro an toàn lao động

a) Xác định các rủi ro tiềm ẩn, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro cho người lao động

- Xác định các rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp (*Xem phụ lục 1*)

- Phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro:

Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

<i>Nguy hiểm tiềm ẩn</i>	<i>Nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng</i>	<i>Giải pháp giảm thiểu, phòng ngừa</i>
Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp	Bụi từ đất hoặc trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh làm ảnh hưởng đến đường hô hấp	Trang bị khẩu trang chống bụi
Ngộ độc hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật khi không có bảo hộ lao động thích hợp	Khi tiếp xúc trực tiếp phải có găng tay, khẩu trang, sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay quần áo
Ngộ độc hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật	Tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật khi không có bảo hộ lao động thích hợp	Sử dụng găng tay, khẩu trang theo đúng quy định, sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay quần áo
Bị nọc độc do rắn, ong, bọ cạp, rết, côn trùng,... cắn	Đây là nguy cơ xảy ra khá cao vì các loại này thường ẩn nấp dưới các tầng thảm mục, tán cây...	Cần xua đuổi, đánh động cho các vật độc di chuyển khỏi vị trí chúng ta làm việc. Mang trang phục bảo hộ lao động như găng tay, ủng, áo quần bảo hộ để hạn chế nọc độc tiếp xúc vào cơ thể khi bị tấn công.
Bỏng, ngạt do lửa	Do đốt thực bì trước khi trồng, nguy cơ cháy lan vào rừng và người dân tham gia chữa cháy	Chú ý an toàn khi tham gia chữa cháy, cần tham gia các khóa tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy và chữa cháy rừng. Khi thấy mối nguy hiểm từ đám cháy lớn thì không được tiến hành chữa cháy trực tiếp.
Trơn trượt ngã trên các sườn dốc	Rừng có độ dốc khá lớn. Nguy cơ trượt chân ngã khi di chuyển hoặc trồng rừng trên sườn dốc, đặc biệt là vào mùa mưa	Sử dụng ủng có độ bám tốt vào mùa mưa khi tiến hành các hoạt động trên đất dốc.

<i>Nguy hiểm tiềm ẩn</i>	<i>Nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng</i>	<i>Giải pháp giảm thiểu, phòng ngừa</i>
Đá, đất lăn, trượt theo sườn dốc	Rừng núi có kết cấu đất yếu, độ dốc cao.	Sau khi mưa lớn cần kiểm tra nền đất trước khi tiến hành các hoạt động. Nếu thấy nền đất yếu cần dừng ngay các hoạt động
Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, hoa quả, lá cây ở trong rừng)	Do sự chủ quan nên bất cẩn trong việc sử dụng các loại thức ăn nước uống tự nhiên	Không ăn các loại quả, nấm lạ. Nên chuẩn bị thức ăn, nước uống ở nhà và đem theo để đảm bảo an toàn
Nước lũ cuốn, gỗ, xe trôi từ trên cao trôi xuống dốc	Cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối. Rừng có độ dốc lớn nên dễ có lũ lớn khi trời mưa.	Cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối

b) Giải pháp thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro

Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động:

Được sự trợ giúp của Công ty LN An Phú một số thiết bị bảo hộ như bảo hộ lao động cho thợ cưa cắt (mũ có lưới chắn, quần áo bảo hộ, dây mũ thép, ...) đã được trang bị cho tổ thợ cưa.

Chủ rừng phải tự trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị an toàn lao động khác theo quy định để sử dụng cho chính mình để triển khai các hoạt động sản xuất lâm nghiệp trên diện tích đất rừng của mình.

Trong quá trình triển khai các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, chủ rừng phải chịu sự giám sát của BQL nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú nhằm đảm bảo việc tuân thủ theo các nguyên tắc và tiêu chí của bộ tiêu chuẩn FSC và các quy định khác của nhóm

Tập huấn an toàn lao động và kỹ thuật:

Hàng năm BQL nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn về an toàn lao động cho cán bộ BQL nhóm và các chủ rừng thực hiện các hoạt động tại hiện trường rừng

4.2 Kế hoạch giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn đến yếu tố xã hội và môi trường

a) Xác định những tác động tích cực và tiêu cực đến môi trường và xã hội do các hoạt động sản xuất lâm nghiệp gây ra:

Xem báo cáo đánh giá tác động môi trường và Báo cáo đánh giá tác động xã hội đã được thực hiện cho nhóm

b) Các giải pháp giảm thiểu rủi ro:

Đánh giá, giám sát tác động môi trường và xã hội:

Trước khi thực hiện một tác động bất kỳ hoạt động sản xuất lâm nghiệp nào đều phải đánh giá tác động môi trường và xã hội. Tuy nhiên, với quy mô của Nhóm cũng như quy mô của các hộ gia đình thành viên Nhóm thì việc đánh giá này có thể lồng ghép vào hoạt động giám sát đánh giá các hoạt động sản xuất lâm nghiệp hàng năm được thực hiện bởi BQL nhóm và đánh giá nội bộ của BQL nhóm cũng như thông qua quá trình tự đánh giá của chủ rừng.

Trong quá trình giám sát đánh giá phải sử dụng các quy trình Kỹ thuật và quy trình an toàn lao động, xử lý rác thải độc hại, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, tham vấn các bên liên quan để làm căn cứ cho việc đánh giá giám sát.

Hàng năm, BQL nhóm báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, trong đó phần giám sát đánh giá phải báo cáo các kết quả đánh giá giám sát tác động môi trường trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của các hộ gia đình.

Tham vấn các bên liên quan:

Hàng năm, BQL nhóm phải tiến hành tham vấn các bên liên quan về kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình. Việc tham vấn nhằm mục đích lấy ý kiến của các bên liên quan về kế hoạch sản xuất của mình để giảm thiểu những rủi ro về môi trường và xã hội, giảm thiểu những tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương sống gần rừng cũng như đến môi trường đất, nước và không khí liên quan đến lô rừng có kế hoạch tiến hành các hoạt động. Tham vấn các bên liên quan được thực hiện theo quy trình tham vấn (Sổ tay quản lý nhóm).

Tuyên truyền:

Hàng năm, BQL nhóm phải phối hợp với chính quyền địa phương nhằm tuyên truyền, vận động người dân địa phương để giảm thiểu những tác động xấu từ các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đến môi trường và xã hội như: Vứt rác trong rừng, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bị cấm hoặc không theo quy trình, không xử lý rác thải độc hại như bao

bì thuốc bảo vệ thực vật, súc rửa bình phun thuốc bảo vệ thực vật vào nguồn nước sông suối, không dọn vệ sinh rừng sau khi thực hiện các hoạt động lâm sinh và khai thác,...vv

5. Kế hoạch trồng rừng nguyên liệu.

Diện tích sau khai thác được lập kế hoạch trồng ngay trong năm. Diện tích trồng rừng phụ thuộc vào diện tích khai thác rừng hàng năm của nhóm hộ.

Bảng kế hoạch trồng rừng nguyên liệu

Năm trồng	Diện tích	Loại cây	Mật độ/ha	Làm đất
2025	825	Keo lai	=, < 2500	Thủ công + Cơ giới cục bộ
2026	825	Keo lai	=, < 2500	Thủ công + Cơ giới cục bộ
2027	825	Keo lai	=, < 2500	Thủ công + Cơ giới cục bộ
2028	825	Keo lai	=, < 2500	Thủ công + Cơ giới cục bộ
2029	825	Keo lai	=, < 2500	Thủ công + Cơ giới cục bộ

- Chuẩn bị thực địa trồng rừng

Chuẩn bị thực địa trồng rừng bao gồm tất cả các hoạt động được hoàn thành tại điểm trồng rừng trước khi bắt đầu trồng cây. Các hoạt động chủ yếu là phát dọn thực bì, cây cỏ có thể cạnh tranh với cây con trồng sau này và biện pháp xử lý thực bì.

Phát dọn thực bì:

Việc phát dọn thực bì được giới hạn xung quanh hố trồng cây nhằm hạn chế việc phơi đất dưới ánh nắng dẫn đến giảm độ ẩm của đất. Nên hạn chế việc phát dọn thực bì toàn bộ, vì điều đó sẽ triệt tiêu các cây gỗ tái sinh có giá trị hoặc các loài cây dược liệu quý. Mặt khác, phát dọn thực bì toàn bộ sẽ dẫn đến hiện tượng phơi đất bề mặt trên diện rộng và dễ bị xói mòn đất bề mặt.

Thực bì che phủ, cành vỏ lá cây hay các chất hữu cơ khác được tích lũy nên được giữ lại nhiều nhất có thể. Những vật liệu này nằm quanh hố trồng cây sẽ hạn chế ánh nắng trực tiếp vào bề mặt đất. Đây là cách để bảo vệ đất trước ánh nắng, xói mòn và luôn được ẩm, mát.

Các biện pháp bảo vệ cây tái sinh tự nhiên cần được áp dụng khi tiến hành phát dọn thực bì trước khi trồng rừng và làm cỏ trong quá trình chăm sóc vì các cây đó có thể trở thành các cây gỗ có giá trị và đóng góp vào đa dạng sinh học.

Xử lý thực bì:

Xử lý thực bì khi chuẩn bị hiện trường trồng rừng có thể thực hiện theo các phương pháp khác nhau áp dụng cho các điều kiện thực bì khác nhau:

- Đối với trường hợp thực bì trên hiện trường chỉ đơn thuần là các cây bụi, thảm tươi và dây leo. Việc xử lý thực bì có thể chỉ phát dọn cục bộ (xung quanh hố dự kiến trồng) hoặc có thể phát theo băng song song với đường đồng mức để hạn chế việc phơi đất, hạn chế xói mòn cũng như đảm bảo giữ được các cây tái sinh có giá trị;
- Đối với thực bì địa hình phức tạp, cây gai, dây leo khó di chuyển khi đào hố trồng rừng và chăm sóc thì có thể phát và gom thành luống hoặc phát toàn bộ và băm trải đều trên bề mặt;
- Nếu hiện trường chuẩn bị trồng rừng quá khó cho thực hiện các công việc như đào hố, trồng cây và chăm sóc có thể phát toàn bộ (chừa lại các cây tái sinh có giá trị) và gom thành từng luống hoặc đống nhỏ để đốt cây gai, dây leo nhưng phải thực hiện đốt có kiểm soát (Quy trình phòng cháy rừng bằng phương pháp đốt trước)

Việc đốt thực bì diện rộng không được phép thực hiện do việc đó phá hủy tiềm năng tái sinh tự nhiên, giết chết các sinh vật hữu ích và làm mất dinh dưỡng của lớp đất mùn, thảm mục. Nếu một hiện trường khó xử lý thực bì bởi các cây bụi gai, dây leo dày thì có thể được đốt nhưng phải thực hiện theo quy trình đốt có kiểm soát.

Lựa chọn hình thức canh tác:

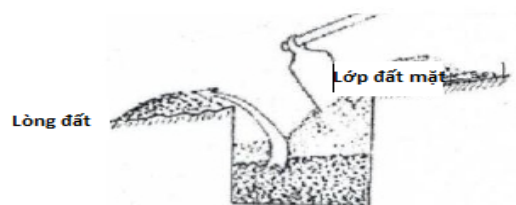
- Canh tác toàn diện chỉ được cho phép thực hiện ở những nơi đất dốc dưới 15 độ và khi thực sự cần thiết. Trong trường hợp canh tác toàn diện được thực hiện ở sườn dốc dài hơn 200m thì phải giữ lại một vành đai thực bì hiện tại với chiều rộng ít nhất 3 m ở mỗi 100m (hoặc ngắn hơn) dọc sườn núi.
- Hố trồng cây hoặc luống trồng cây theo đường đồng mức được áp dụng ở những độ dốc trong khoảng từ 16 đến 20 độ, với việc giữ lại các thảm thực bì ở giữa các luống trồng.
- Chỉ áp dụng hố trồng cây theo đường đồng mức ở những nơi có độ dốc từ 20 đến 25 độ, với việc đào các hố so le trong các hàng liền kề (theo hình vẩy cá).

Các hoạt động trồng xen cây nông nghiệp ở những lô rừng đất dốc cần thực hiện theo đường đồng mức. Việc trồng xen nông lâm kết hợp không cho phép ở nơi đất dốc

trên 20 độ và việc trồng xen các cây nông nghiệp lấy rễ, củ, thân không cho phép ở nơi đất dốc trên 15 độ.

Chuẩn bị hố trồng cây

Các hố trồng phải được đào sẵn sàng ít nhất từ 1 đến 2 tuần trước khi trồng cây. Kích thước của hố trồng các loài cây mọc nhanh như: Keo và Bạch đàn tối thiểu là 30 cm x 30 cm x 30 cm



- Khi đào đất, tách các lớp đất và lòng đất như theo hình vẽ bên
- Trên sườn núi, các hố trồng cây được đào theo đường đồng mức
- Dùng cuốc lấp lại khoảng 2/3 hố bằng lớp đất mặt.

Để đạt được tỷ lệ sống cao và sớm có được sự phát triển nhanh của cây giống thì cần thực hiện các điều sau:

- 1) Trồng cây giống trong điều kiện tốt;
- 2) Cây giống được vận chuyển và trồng đúng cách;
- 3) Trồng sớm vào mùa mưa, và;
- 4) Trồng trong những ngày râm mát.

Trồng cây sớm như có thể vào đầu mùa mưa nhưng không muộn hơn một tháng trước khi mùa mưa kết thúc. Trồng cây sớm sẽ cho phép cây giống có thời gian để phát triển hệ thống rễ lớn và có khả năng mọc rễ tới tầng đất sâu và rộng hơn trước khi mùa khô đến. Điều này sẽ làm tăng đáng kể cơ hội sống sót và đẩy nhanh tăng trưởng chiều cao. Do trồng cây sớm, những cây bị chết, hỏng hay bị còi cọc có thể được trồng lại trong cùng một vụ trồng rừng.

Khuyến cáo khoảng cách và mật độ trồng là 3 m x 2 m hay 1,650 cây trên 1 ha.

Rừng trồng ở độ dốc từ 20- 25°: số cây trồng ít theo áp dụng một trong các công thức sau đây:

- 3 m x 3 m hay 1100 cây mỗi ha.
- 4 m x 2 m hay 1250 cây mỗi ha.

- 4 m x 2.5 m hay 1000 cây mỗi ha.

Lựa chọn loài cây trồng

Các loài cây được lựa chọn dựa trên cơ sở sự thích hợp chung cho lập địa và phù hợp với mục tiêu kinh doanh của chủ rừng. Các loài cây bản địa (ví dụ như cây Dẻ, Gội, Sơn nghệ, Lim xanh, ...) nên được khuyến khích chọn trồng để phục hồi vùng đệm.

Nên đa dạng các loài cây trồng rừng (ngoài cây trồng chính) được trồng tại vùng đệm hoặc ranh giới giữa các lô sẽ tăng tính đa dạng sinh học đồng thời đảm bảo một hành lang xanh cho các lô rừng thuần loài.

Tiêu chuẩn cây giống

Chỉ lấy cây giống từ vườn ươm được nhà nước công nhận. địa chỉ rõ ràng dòng vô tính hoặc nguồn hạt giống và cây con đã được kiểm tra và được chấp nhận có "tiêu chuẩn có thể trồng được":

Loài	Tuổi cây (tháng)	Chiều cao (cm)	Đường kính cổ rễ (mm)
Keo lai dâm hom	3-5	25-40	≥2.5
Keo lai nuôi cấy mô	2.5-4	25-40	≥2.5

Ngoài việc đạt các tiêu chuẩn kể trên, cây giống có các đặc điểm sau:

- Chỉ có 1 thân duy nhất, khỏe mạnh, thẳng;
- Hệ thống rễ hoàn chỉnh và phát triển tốt;
- Thân gỗ không có chồi non và rễ cây không phát triển bên ngoài bầu;
- Cây khỏe mạnh, rõ ràng không bị bệnh hoặc bị thương tổn.

Vận chuyển và xử lý cây giống

Cây giống dễ bị tổn thương trong quá trình vận chuyển từ vườn ươm đến khu vực trồng rừng. Để tránh thiệt hại cần chú ý đến các vấn đề sau đây:

1) Trong vườn ươm, đặt cây giống trong túi nhựa, hộp, khay, giỏ hoặc những dụng cụ chứa đựng khác phù hợp. Cần thận đặt cây thẳng đứng, và buộc lỏng các thân cây với nhau.

2) Trong quá trình vận chuyển, che xe tải với vải bạt để bảo vệ cây từ ánh sáng mặt trời trực tiếp và gió gây thiệt hại cho cây.

3) Kiểm tra cây giống khi giao. Loại bỏ tất cả cây giống bị hư hỏng hoặc bị tổn thương như thân cây bị gãy, khô ngọn (dấu hiệu cho thấy thiệt hại gió), hệ thống rễ bị hư hỏng, và tất cả các cây giống không đáp ứng các tiêu chuẩn.

4) Đặt cây giống khỏe mạnh trên bề mặt phẳng, dưới bóng râm, nơi lỏng dây buộc và đảm bảo rằng cây được để thẳng đứng. Kiểm tra đất và nước nếu khô.

5) Trong quá trình trồng, vận chuyển cây giống bên trong túi bầu hoặc túi/hộp đựng phù hợp ở tất cả các lần trồng. Tránh phơi bày rễ cây dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc không cần thiết trong thời gian dài.

6) Nếu vì lý do nào, cây giống không thể được trồng ngay lập tức, lấy cây giống ra khỏi các thùng chứa bằng nhựa và nilong, chất đóng chúng cẩn thận trong một mặt phẳng, dưới bóng râm. Tưới nước cho cây giống là cần thiết và bảo vệ chúng khỏi bị hư hại do động vật và các tác nhân phá hoại khác.

Trồng cây

Bỏ túi bầu trước khi trồng cây con. Trong khi loại vỏ bầu, cần đảm bảo rằng bọc gốc (rễ cây và đất) không bị hỏng và rễ không bị thương. Dùng cuốc hoặc bay để tạo ra một hố sâu 15 cm ở giữa hố trồng đã được lấp đầy. Cây con đã bỏ túi bầu được đưa vào giữa hố, để cổ rễ khoảng 2cm cao hơn mặt đất. Lấp đất từ từ vào hố cho đến khi hố đầy. Dùng hai tay nhấn đất chắc xung quanh cây con. Bỏ thêm đất nếu thấy cần thiết.

Làm cỏ

Làm cỏ là việc làm loại bỏ cỏ dại, và cây thân gỗ cạnh tranh với cây trồng về đất, nước, dinh dưỡng và ánh sáng.

Kiểm soát sự cạnh tranh của cỏ dại là một phần quan trọng của quản lý trồng. Gần như ở tất cả các khu rừng trồng đều yêu cầu được làm cỏ trong giai đoạn chăm sóc cho đến khi cây phát triển tốt, chuẩn bị khép tán và đang trong quá trình tăng trưởng tới kích thước thích hợp để ngăn sự cạnh tranh của cỏ dại.

Thời gian làm cỏ tiếp tục:

Khoảng thời gian này phụ thuộc vào tốc độ sinh trưởng của cây, thời điểm bắt đầu khép tán và độ che phủ của tán. Khi cây bắt đầu khép tán, cỏ dại ở dưới bị che bóng và chết. Trong giai đoạn này việc làm cỏ là không cần thiết.

Cách tiến hành làm cỏ:

Làm cỏ thủ công là phương pháp phổ biến nhất ở tại các khu rừng trồng qui mô nhỏ. Sử dụng các công cụ như dao hoặc liềm để cắt bỏ thực vật cạnh tranh. Có thể tiến hành làm cỏ thủ công (bằng tay) ở khu rừng trồng trong mọi điều kiện thời tiết.

Chỉ cắt cỏ không thôi sẽ là không đầy đủ, cần phải tiến hành cuốc đất để xử lý triệt để cỏ dại. Vấn đề sẽ tiếp tục tồn tại nếu chỉ thực hiện việc cắt cỏ có nghĩa là chỉ đưa ra việc kiểm soát tình hình một cách tạm thời, cỏ dại có thể tái phát triển mạnh mẽ và cạnh tranh với cây trồng hơn trước lúc cắt.

Mặt khác, nếu làm cỏ quá mức cũng làm tăng nguy cơ phơi đất dẫn đến đất bị xói mòn, giảm độ ẩm đất và đa dạng sinh học:

- Làm cỏ nên chỉ hạn chế tại chỗ hoặc theo băng và không nên làm phơi toàn bộ bề mặt đất dưới ánh nắng mặt trời;
- Trong những năm đầu, việc làm cỏ cần tiến hành từ 2 đến 3 lần một năm. Cỏ dại cần được làm sạch theo hình chiếu đường kính tán từ trên xuống dưới trong khoảng đường kính 1 m xung quanh cây trồng;
- Cây bụi và cỏ sau khi được cắt có thể được dùng phủ lại quanh gốc cây trồng để giảm thiểu ánh nắng trực tiếp tới bề mặt đất. Cách làm này sẽ bảo vệ đất trước nắng nóng, xói mòn và giữ được độ ẩm và mát;
- Khi tiến hành làm cỏ cần bảo vệ nghiêm ngặt cây tái sinh tự nhiên vì trong tương lai những cây này có thể cung cấp gỗ tốt và đồng thời đóng góp vào sự đa dạng sinh học.

6. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng.

Biểu thống kê diện tích chăm sóc theo các năm

Loài cây	Năm trồng	Diện tích (Ha)	Ghi chú
Keo lai	2025	825	
Keo lai	2026	825	
Keo lai	2027	825	
Keo lai	2028	825	
Keo lai	2029	825	

Chăm sóc năm trồng năm thứ nhất: Phát dọn thực bì, xới đất tơi vụn quanh gốc cây và kiểm tra số cây chết và trồng dặm lại ngay trong vụ trồng rừng (nếu có) bảo vệ gia súc phá hoại và PCCCR.

Chăm sóc năm trồng năm thứ hai: Phát dọn thực bì quanh gốc, gỡ bỏ dây leo trên thân cây trồng, tỉa cành nhánh tạo tán cho cây sinh trưởng.

Chăm sóc năm trồng năm thứ ba: Tiến hành phát dọn cỏ, thực bì quanh gốc cây, tỉa cành nhánh, chặt chừa 1 thân, tạo tán cho cây sinh trưởng chiều cao, bảo vệ gia súc phá hoại và PCCCR.

Căn cứ sức sinh trưởng của cây trồng, nhu cầu dinh dưỡng và khả năng kinh tế của từng chủ rừng để lựa chọn số năm chăm sóc đảm bảo hiệu quả kinh tế vừa đảm bảo an toàn môi trường rừng trồng.

7. Kế hoạch giống cây trồng.

Nguồn gốc cây giống cho trồng rừng được các hộ gia đình mua ở các Công ty sản xuất cây giống có chất lượng tốt, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng về cây giống. Nhu cầu cây giống trồng rừng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng kế hoạch nhu cầu cây giống

Năm trồng	Diện tích (Ha)	KH cây giống	Chỉ tiêu kỹ thuật
2025	825	2.085.000	Cây con trồng rừng đạt đường kính cổ rễ (Dcr) là: 0,25-0,35cm Chiều cao cây con trước khi trồng (H) là 25-35cm
2026	825	2.085.000	Cây con trồng rừng đạt đường kính cổ rễ (Dcr) là: 0,25-0,35cm Chiều cao cây con trước khi trồng (H) là 25-35cm
2027	825	2.085.000	Cây con trồng rừng đạt đường kính cổ rễ (Dcr) là: 0,25-0,35cm Chiều cao cây con trước khi trồng (H) là 25-35cm
2028	825	2.085.000	Cây con trồng rừng đạt đường kính cổ rễ (Dcr) là: 0,25-0,35cm Chiều cao cây con trước khi trồng (H) là 25-35cm
2029	825	2.085.000	Cây con trồng rừng đạt đường kính cổ rễ (Dcr) là: 0,25-0,35cm Chiều cao cây con trước khi trồng (H) là 25-35cm

Trong tương lai Công ty CP LN An Phú sẽ hợp tác với Công ty giống trong nước có uy tín để cung cấp giống có chất lượng tốt, xây dựng vườn ươm cây giống lâm nghiệp, có nguồn gốc xuất xứ và cung cấp đủ cho các hộ gia đình trồng rừng trong khu vực.

8. Kế hoạch phục hồi rừng nghèo kiệt diễn thế tự nhiên.

Diện tích: 572,15ha

Tổ chức thực hiện:

1) Bảo vệ nghiêm ngặt, đề phòng hộ nước, bảo vệ đất, nghiêm cấm mọi hành vi khai thác, quản lý rác thải, sử dụng hóa chất trong rừng làm ô nhiễm nguồn nước, thường xuyên tuần tra giám sát phòng cháy lửa rừng.

2) Xây dựng biển báo, biển cấm để người dân biết và bảo vệ, tăng cường tuần tra giám sát, ngăn chặn kịp thời các tác động xấu đến rừng và tài nguyên rừng, tuyên truyền về công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy lửa rừng trong khu vực.

3) Tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng và môi trường.

4) Các chất thải phải được để đúng nơi quy định và phải được xử lý không được thải trực tiếp vào rừng và nguồn nước.

9. Kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực

Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng, tất cả cán bộ, chủ rừng đều được tập huấn kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý, giám sát để đảm bảo rằng mọi cán bộ, chủ rừng có đủ trình độ kỹ thuật, kỹ năng thực hiện các hoạt động theo 10 nguyên tắc FSC. Tuy nhiên, không nhất thiết từng cán bộ, chủ rừng phải tham gia tất cả các khóa tập huấn, mà họ chỉ tham gia những khóa học có liên quan đến công việc mà họ được giao thực hiện.

Hàng năm Ban đại diện nhóm và Công ty cổ phần LN An Phú mời chuyên gia lâm nghiệp đến cung cấp các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho các hộ mới tham gia nhóm và đào tạo nâng cao các quy trình kỹ thuật, sổ tay quản lý nhóm cho cán bộ thuộc nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú để hỗ trợ hộ gia đình thực hiện QLRBV theo 10 nguyên tắc FSC. Kế hoạch, nhu cầu đào tạo sẽ được khảo sát và đánh giá hàng năm dựa trên nhu cầu của HGD, cá nhân, cộng đồng tham gia và quy mô nhóm. Kế hoạch đào tạo, đối tượng, thời gian và kinh phí đào tạo nâng cao năng lực và mở rộng nhóm do Công ty cổ phần LN An Phú hỗ trợ hàng năm:

10. Kế hoạch giám sát, đánh giá

Bảng kế hoạch giám sát các hoạt động

TT	Tên hoạt động	Kế hoạch giám sát theo 12 tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Hoạt động trồng rừng	x	x	x	x					x	x	x	x
2	Hoạt động chăm sóc rừng		x	x	x	x			x	x	x	x	
3	Hoạt động bảo vệ, phòng chống cháy rừng và tình hình sâu bệnh hại rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Hoạt động khai thác rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Giám sát nội bộ tổ chức nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Tự giám sát lô rừng của chủ rừng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Giám sát tác động môi trường, xã hội, đa dạng động thực vật, hành lang sông suối, sức khỏe và an toàn lao động (Lồng ghép vào việc giám sát các hoạt động từ 1-6)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Tổ chức thực hiện:

- **Kỹ thuật:** Thực hiện theo quy trình đánh giá giám sát của nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú.

- **Nguyên tắc giám sát:** Những hoạt động có tính rủi ro cao như khai thác và trồng rừng phải được giám sát cho tất cả các lô rừng khai thác và trồng rừng.

Hoạt động giám sát được thực hiện bởi các thành viên tổ chuyên môn kỹ thuật lâm nghiệp trực thuộc Ban quản lý nhóm.

Giám sát khắc phục hoạt động không tuân thủ:

Sau khi kiểm tra, thành viên tổ chuyên môn kỹ thuật lâm nghiệp có trách nhiệm tổng hợp lại tất cả các hoạt động không tuân thủ và đánh giá mức độ tuân thủ nguyên tắc FSC và hoạt động khắc phục lỗi vi phạm, thành viên giám sát có trách nhiệm lập báo cáo giám sát gửi lên BQL nhóm, nội dung báo cáo gồm:

- ❖ Tổng hợp các hoạt động không tuân thủ;
- ❖ Tổng hợp các hoạt động sửa lỗi.
- ❖ Báo cáo giám sát

BQL nhóm Chủ rừng Cty CPLN An Phú sau khi nhận được báo cáo giám sát cần có kế hoạch và các biện pháp yêu cầu khắc phục đối với từng hành vi, mức độ vi phạm dựa theo nguyên tắc tiêu chí FSC để chỉ đạo khắc phục.

Đối với đánh giá nội bộ hằng năm được thực hiện bởi BQL nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú. Việc đánh giá nội bộ ngoài việc đánh giá sự tuân thủ của chủ rừng với quy định quy trình đánh giá, cần phải đánh giá cả tính phù hợp của hệ thống quản lý nhóm theo bộ tiêu chuẩn FSC để tìm ra những điểm chưa phù hợp, những điểm cần phải cải tiến để nâng cao hiệu quả quản lý của nhóm. Quy trình đánh giá nội bộ được thực hiện theo hướng dẫn trong Sổ tay quản lý nhóm.

11. Rủi ro trong quá trình thực thi kế hoạch quản lý

Trong quá trình thực thi các hoạt động trong kế hoạch quản lý có thể có những rủi ro khách quan mà nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú cần phải cân nhắc để giúp cho kế hoạch quản lý có thể tránh hoặc hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả cuối cùng của kế hoạch. Những rủi ro mà nhóm chủ rừng có thể gặp là:

(1) Khó khăn về tài chính cho sản xuất kinh doanh rừng trồng đối với hộ gia đình, vì chu kỳ kinh doanh rừng trồng dài, hộ gia đình khó khăn về kinh tế, dịch bệnh...

(2) Rủi ro về thiên tai như thời tiết diễn biến bất thường có thể như bão lũ, hạn hán, sâu bệnh hại xuất hiện, cháy rừng.

12. Điều chỉnh và bổ sung kế hoạch quản lý và giảm thiểu tác động

Kế hoạch quản lý rừng này sẽ được định kỳ điều chỉnh, bổ sung hàng năm dựa vào các kết quả giám sát, các thông tin khoa học kỹ thuật mới cũng như đáp ứng những thay đổi chính sách về Môi trường, Kinh tế - Xã hội; hoặc có sự thay đổi về các quy định tại các tiêu chuẩn của tổ chức chứng chỉ rừng FSC quốc tế hoặc có sự thay đổi các quy định về pháp luật của nhà nước Việt Nam.

Cho phép trồng xen một số các loài cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích rừng trồng để tăng thu nhập cho hộ gia đình.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú

1.1. Ban quản lý nhóm

Ban quản lý nhóm là tổ chức chịu trách nhiệm cao nhất để thực hiện các nhiệm vụ của nhóm theo quyết định thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên của nhóm..

Nhiệm vụ và quyền hạn của BQL nhóm:

- ☐ Tổ chức triển khai thực hiện quy chế nhóm, lãnh đạo mọi hoạt động của nhóm trong các kỳ họp;
- ☐ Chuẩn bị và quyết định triệu tập nhóm;
- ☐ Quyết định chương trình, kế hoạch và hoạt động hàng năm của nhóm;
- ☐ Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của nhóm. Đề xuất quy chế hoạt động của BQL nhóm; hướng dẫn các quy định trong nội bộ nhóm;
- ☐ Bộ phận kỹ thuật và hành chính

Bộ phận kỹ thuật và hành chính được Công ty cổ phần LN An Phú cử đến hỗ trợ hoặc thuê tuyển chuyên gia để giúp việc cho BQL trong công tác duy trì nhóm chứng chỉ FSC.

- Thực hiện hướng dẫn kỹ thuật cho nhóm về quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC;
- Hỗ trợ BQL công tác giám sát, chuẩn bị đánh giá định kỳ và khắc phục các lỗi do tổ chức đánh giá kiến nghị;
- Hỗ trợ công tác hành chính, biên, phiên dịch tài liệu liên quan;
- Hỗ trợ công tác theo dõi, giám sát, sửa lỗi và báo cáo tài kết quả hoạt động của nhóm cho tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ hàng năm.

1.2. Hộ gia đình tham gia nhóm

Là những người trồng rừng trên địa bàn thôn, xã tự nguyện viết đơn xin gia nhập nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú, cam kết thực hiện các nguyên tắc và tiêu chí FSC về quản lý rừng bền vững, đảm bảo các điều kiện để tham gia trồng rừng có chứng chỉ FSC, hiểu rõ và đồng ý Sổ tay quản lý nhóm, thực hiện các quy định của nhóm và tham gia sinh hoạt trong tổ chức nhóm thì được xét công nhận là thành viên nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú.

2. Phối hợp các bên liên quan

2.1. Đối với UBND xã và Công ty cổ phần LN An Phú.

- Hỗ trợ đào tạo, nâng cao nhận thức, quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, QLBR và Khai thác gỗ rừng trồng theo 10 nguyên tắc FSC;
- Cam kết lâu dài tiêu thụ nguồn gỗ rừng trồng FSC nguyên liệu của các HGD;
- Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật cho BQL nhóm hộ để hỗ trợ HGD kiểm tra theo dõi đánh giá hàng năm;
- Hỗ trợ nhóm hộ kinh phí đánh giá FSC hàng năm.
- UBND xã, cán bộ khuyến nông, địa chính tạo mọi điều kiện để hỗ trợ cho HGD, cá nhân, cộng đồng để lập sơ đồ, hồ sơ lô rừng và các thủ tục pháp lý như khai thác gỗ, trồng rừng vv...
- Tuyên truyền luật pháp về quản lý bảo vệ rừng bằng nhiều hình thức, đa dạng, ngắn gọn, dễ hiểu và dễ thực hiện thông qua các hội nghị cấp xã, thôn.
- Phối hợp với Hạt kiểm lâm để ngăn chặn, phát hiện, xử lý các vụ vi phạm lâm luật gồm: Lấn chiếm rừng, đất rừng; khai thác gỗ, lâm sản và săn bắt động vật trái phép và các hành vi khác xâm hại đến rừng.
- Phối hợp với công an xã, dân quân tự vệ, hội cựu chiến binh, thanh niên, phụ nữ để tổ chức thực hiện đầy đủ chức năng quản lý bảo vệ rừng theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Đối với người dân (HGD)

- Được truyền tuyên, vận động, phổ biến chính sách khi tham gia các hoạt động quản lý rừng bền vững và FSC. Không được lấn chiếm rừng, đất rừng; không được khai thác gỗ, lâm sản và săn bắt động vật trái phép;
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quản lý bảo vệ rừng theo qui định QLRBV của Việt Nam và quốc tế.

2.3. Đối với thôn trưởng

- Được tập huấn nâng cao năng lực quản lý bảo vệ rừng và thông báo kế hoạch hoạt động, hỗ trợ hộ gia đình theo dõi giám sát hàng năm, được tuyên truyền luật pháp về quản lý bảo vệ rừng trong các cuộc họp, các buổi sinh hoạt của thôn.

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng theo quy định của kế hoạch quản lý rừng bền vững và lợi ích của HGD tham gia QLBR.
- Phối hợp với các ngành chức năng để ngăn chặn, phát hiện, xử lý các vụ vi phạm luật Lâm nghiệp gồm: lấn chiếm rừng, đất rừng; khai thác gỗ, lâm sản và săn bắt động vật trái phép, đặc biệt các hoạt động gây tác hại đến môi trường sinh thái.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát và phân tích đánh giá hiện trạng rừng của nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú tham gia chứng nhận FSC có đầy đủ các điều kiện pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn lực để thực hiện các hoạt động quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ FSC/FM.

Kết quả tham vấn các bên tham gia gồm người dân, cộng đồng, hộ gia đình, UBND xã, hạt kiểm lâm, hội Phụ nữ, phòng Tài nguyên và môi trường, phòng NN&PTNT, UBND huyện đã chứng minh rằng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú không có chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng từ năm 1994 đến nay, không có mâu thuẫn, tranh chấp đất đai và quyền sử dụng đất, rừng truyền thống của người dân địa phương của các thôn. Đặc biệt sự đồng tình ủng hộ tuyệt đối của UBND xã, phòng NN & PTNT, hạt kiểm lâm và lãnh đạo UBND huyện đối với các hoạt động của nhóm hộ gia đình tham gia trồng rừng FSC.

Kế hoạch quản lý quản lý rừng bền vững của nhóm chủ rừng Cty CPLN An Phú được xây dựng dựa trên kết quả tài liệu điều tra cơ bản và các kết quả điều tra hiện trạng rừng, kết quả đánh giá tác động xã hội - môi trường và đánh giá đa dạng động thực vật, giá trị bảo tồn cao theo 10 nguyên tắc QLRBV. Và cơ sở dữ liệu lô rừng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng như bản đồ của từng chủ rừng đã được cán bộ địa chính các xã cung cấp từ năm 2000 đến nay theo đúng yêu cầu của 10 nguyên tắc FSC.

II. KHUYẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh phối hợp với các cấp, các ngành vào cuộc, tuyên truyền vận động để nhân rộng và có chính sách của tỉnh ưu tiên hỗ trợ HGD để được mở rộng cho các nhóm hộ tại các huyện khác.

Chu kỳ kinh doanh rừng trồng dài do vậy hộ gia đình không đủ nguồn lực để duy trì chăm sóc rừng trồng cho cả chu kỳ kinh doanh rừng. Đề nghị có chính sách hỗ trợ đối với người tham gia trồng rừng.

Phụ lục 1: Môi nguy hiểm phòng ngừa trong các hoạt động của Nhóm chủ rừng Công ty CPLN An Phú

STT	Môi nguy hiểm	Hoạt động				
		Sử dụng máy móc	Trồng rừng	Chăm sóc	Khai thác	Vận chuyển
1	Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp	X				X
2	Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật		X	X		
3	Điện giật	X				
4	Vật độc như rắn, rết, bọ cạp cắn, ong chích	X	X	X	X	X
5	Bỏng ngạt do lửa rừng hoặc đốt thực bì		X	X	X	
6	Trơn trượt ngã trên các sườn dốc	X	X	X	X	X
7	Đá, đất lăn, trượt theo sườn dốc	X	X	X	X	X
8	Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, các loại hoa quả, lá cây ở trong rừng)	X	X	X	X	X
9	Say nắng	X	X	X	X	X
10	Cây đổ	X		X	X	X
11	Cành cây khô mục gãy rơi xuống	X	X	X	X	X
12	Mất thăng bằng, ngã đổ theo cây chặt			X	X	X
13	Đứt xích cưa xăng			X	X	
14	Gãy lam cưa xăng			X	X	
15	Bụi (do mật cưa khi cắt cây bằng cưa máy)			X	X	
16	Tiếng ồn từ máy cưa, máy cắt cỏ (giảm thính giác)	X		X	X	X
17	Đứt cáp tời xe	X			X	X
18	Xe trôi xuống dốc	X	X	X	X	X

19	Gỗ trôi từ trên cao xuống	X		X	X	X
20	Nước lũ cuốn	X	X	X	X	X
21	Sa lầy	X	X	X	X	X
22	Gỗ dề	X		X	X	X
23	Người rơi khỏi xe	X	X	X	X	X
24	Gỗ rơi xuống đường	X			X	X
25	Lật xe	X	X		X	X
26	Cuộc vào chân		X	X		
27	Cốc vào người khác do đứng quá gần		X	X		
28	Cây dề do khai thác sai kỹ thuật				X	X

Phụ lục 2: Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp (Điều 9 – Luật Lâm nghiệp, 2017)

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp

1. Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật.
2. Đưa chất thải, hóa chất độc, chất nổ, chất cháy, chất dễ cháy, công cụ, phương tiện vào rừng trái quy định của pháp luật; chặn, dất, thả gia súc, vật nuôi vào phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng, rừng mới trồng.
3. Săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái quy định của pháp luật.
4. Hủy hoại tài nguyên rừng, hệ sinh thái rừng, công trình bảo vệ và phát triển rừng.
5. Vi phạm quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng; phòng, trừ sinh vật gây hại rừng; quản lý các loài ngoại lai xâm hại; dịch vụ môi trường rừng.
6. Tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chế biến, quảng cáo, trưng bày, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, quá cảnh lâm sản trái quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
7. Khai thác tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên khoáng sản, môi trường rừng trái quy định của pháp luật; xây dựng, đào, bới, đắp đập, ngăn dòng chảy tự nhiên và các hoạt

động khác trái quy định của pháp luật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan tự nhiên của hệ sinh thái rừng.

8. Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng trái quy định của pháp luật; cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái quy định của pháp luật; chuyển đổi diện tích rừng, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng trái quy định của pháp luật; phân biệt đối xử về tôn giáo, tín ngưỡng và giới trong giao rừng, cho thuê rừng.

9. Sử dụng nguyên liệu trong chế biến lâm sản trái quy định của pháp luật.

Phụ lục 3: Biểu thống kê các lô rừng

File excel [Update 9.11.2025_DS hộ chứng nhận Xuân Lãnh_FMU list.xlsx](#)

